

Số: 01 /NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông số 01/BBH-VTDKĐD-ĐHĐCĐ, ngày 20/4/2015 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015 thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo hoạt động năm 2014 và Kế hoạch hoạt động năm 2015 của Hội đồng Quản trị (Phụ lục 01).
2. Báo cáo hoạt động năm 2014 và Kế hoạch hoạt động năm 2015 của Ban Kiểm soát (Phụ lục 02)
3. Báo cáo hoạt động SXKD năm 2014 và Kế hoạch SXKD năm 2015 của Giám đốc Công ty (Phụ lục 03)
4. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014, với các chỉ tiêu chính như sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2014	Thực hiện năm 2014	Tỷ lệ thực hiện (%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	440,17	452,10	103
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1,43	1,40	98
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1,43	1,40	98
4	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	2,92	4,70	161
5	Kế hoạch Đầu tư XDCB và mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	9,94	9,28	93

Không phân bổ lợi nhuận, không trích lập các quỹ năm 2014 để lại bù lỗ lũy kế năm trước.



5. Báo cáo Tài chính năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Phụ lục 04).

6. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015, với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2015
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	320,00
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	316,50
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3,50
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,50
5	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	4,17
6	Kế hoạch Đầu tư XDCB và mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	22,44

Ghi chú: Phụ lục Kế hoạch Đầu tư XDCB và mua sắm trang thiết bị đính kèm.

Và ủy quyền cho HĐQT phê duyệt việc điều chỉnh kế hoạch để phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

7. Báo cáo thực hiện thù lao của HĐQT, BKS năm 2014 với tổng số tiền là: 174.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm bảy mươi tư triệu đồng./.*) và Kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS năm 2015 với tổng số tiền là: 174.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm bảy mươi tư triệu đồng./.*) (Phụ lục 05).

8. Danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2015 và giao cho HĐQT quyết định lựa chọn bao gồm:

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Deloitte)
- Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam (Ernst & Young)
- Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers Việt Nam (PwC)
- Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và kiểm toán (AASC)
- Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE)

9. Thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị: Ông Bùi Văn Đại thay thế ông Lều Minh Tiến kể từ ngày 26/8/2014.

10. Thay đổi thành viên Ban Kiểm soát: Bà Đỗ Thị Thanh Nga thay thế ông Phan Văn Long.

11. Thông qua và ủy quyền cho HĐQT phê duyệt Ký kết thỏa thuận khung giữa Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí và Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương theo như các nội dung trong dự thảo thỏa thuận khung kèm theo (Phụ lục 06).

12. Sửa đổi, ban hành mới Điều lệ Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương trong đó bổ sung “Lĩnh vực kinh doanh của Công ty” tại khoản 1, Điều 3 Điều lệ Công ty: Mua bán khí CNG; Mua bán than; Thuê và cho thuê phương tiện, thiết bị vận chuyển khí CNG; Thuê và cho thuê phương tiện, thiết bị vận chuyển than; Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí CNG; Kinh doanh dịch vụ vận chuyển than bằng đường bộ và đường thủy và Sửa đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo các nội dung sửa đổi Điều lệ Công ty. Cụ thể: Bổ sung các ngành, nghề kinh doanh: Mua bán khí CNG; Mua bán than; Thuê và cho thuê phương tiện, thiết bị vận chuyển khí CNG; Thuê và cho thuê phương tiện, thiết bị vận chuyển than; Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí CNG; Kinh doanh dịch vụ vận chuyển than bằng đường bộ và đường thủy.

Điều 2. Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm chi đạo, triển khai các nội dung đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015 quyết nghị trên cơ sở tuân thủ Pháp luật của Nhà nước và Điều lệ Công ty.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 20/4/2015.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Ban GD;
- Lưu: VT, HĐQT.



TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHỤ LỤC 01:

(Đính kèm Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCD ngày 20/4/2015)

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2014 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2015
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2014 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2015
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

I. Báo cáo hoạt động năm 2014:

- Khó khăn:

Cùng lúc phải đối mặt với những khó khăn chung của nền kinh tế, trong năm 2014 Công ty còn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trực tiếp đến hoạt động SXKD của mình: Hoạt động kinh doanh LPG gặp nhiều khó khăn do giá LPG giảm liên tục đặc biệt là các tháng cuối năm, đi ngược với quy luật dự báo ở các năm trước. Hoạt động kinh doanh xăng dầu tạm dừng từ tháng 8/2014, do những thay đổi về những quy định quản lý của nhà nước (về điều kiện kinh doanh xăng dầu). Dịch vụ vận tải xe bồn cũng bị ảnh hưởng, phải giảm tải trọng từ 25-30% theo quy định của Bộ Giao thông; Hoạt động kinh doanh xe văn phòng cho thuê cũng bị ảnh hưởng do các đơn vị tiết giảm chi phí đi lại hội họp,....

- Thuận lợi:

Bên cạnh những khó khăn, Công ty cũng có được những thuận lợi nhất định:

+ Công ty luôn nhận được sự quan tâm, giúp đỡ và ủng hộ của các Cổ đông lớn, đặc biệt là Tổng Công ty PVTrans trong mọi lĩnh vực, của Tập đoàn và Tổng Công ty PVGas về chính sách giá LPG phục vụ kinh doanh Taxi và các đơn vị trong ngành luôn sử dụng dịch vụ vận tải của Công ty Đông Dương.

+ Việc giá nhiên liệu giảm trong các tháng cuối năm cũng là một thuận lợi lớn đối với các dịch vụ vận tải của Công ty.

+ Công tác tái cơ cấu, nâng cao năng lực quản trị của Công ty đã phát huy hiệu quả trên các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; chất lượng nguồn nhân lực đã được cải thiện đáng kể, đã hình thành được đội ngũ cán bộ nhân viên Công ty tâm huyết, có trách nhiệm và đoàn kết, cùng nỗ lực làm việc vì sự tồn tại và phát triển của Công ty.

1. HĐQT hiện có 05 thành viên, đều làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, bao gồm:

- Ông Nguyễn Quốc Phương – Chủ tịch.
- Ông Nguyễn Quang Huy – Ủy viên.
- Ông Bùi Văn Đại – Ủy viên (Ông Bùi Văn Đại được HĐQT bầu thay thế ông Lều Minh Tiến từ ngày 26/8/2014 do ông Lều Minh Tiến có đơn xin từ nhiệm).
- Bà Trần Thị Thu Phong - Ủy viên.
- Ông Vũ Việt Linh – Ủy viên.

2. Chỉ đạo hoạt động SXKD:

Hội đồng Quản trị luôn bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các quy định hiện hành và tình hình thực tế của Công ty để đề ra chủ trương phù hợp. Trong năm 2014, HĐQT đã tổ chức 04

cuộc họp định kỳ, đột xuất; Đã tổ chức 11 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản về các nội dung thuộc thẩm quyền để kịp thời chỉ đạo, xử lý những vấn đề bất cập phát sinh, ban hành 27 nghị quyết, quyết định làm cơ sở cho Ban điều hành triển khai các hoạt động SXKD.

a. Các Nghị quyết/quyết định trong năm 2014 của HĐQT:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
1	01/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	24/01/2014	Ban hành Quy chế về Chế độ công tác phí của Công ty.
2	02/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	24/01/2014	Ban hành Quy chế quản lý nợ phải thu, phải trả của Công ty.
3	03/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	24/01/2014	Ban hành Quy chế Dân chủ của Công ty.
4	04/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	24/01/2014	Ban hành Quy chế Phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí, cơ quan hữu quan của Công ty.
5	05/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	24/01/2014	Tạm thời phê duyệt và giao chỉ tiêu Kế hoạch SXKD năm 2014.
6	06/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	11/02/2014	Đồng ý và ủy quyền cho Giám đốc Công ty ký mở bảo lãnh thanh toán tại Ngân hàng TMCP Đại Dương – Chi nhánh Thăng Long để thực hiện hợp đồng mua bán xăng dầu số 06/CDB12-HĐMBXD2014 ký ngày 01/01/2014 với Cảng dầu B12.
7	07/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	08/4/2014	Phê duyệt định biên lao động năm 2014 Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.
8	08/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	10/4/2014	Công tác cán bộ của Công ty.
9	09/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	18/4/2014	Tiếp tục thanh lý xe văn phòng cho thuê: Xe Mercedes E200K, 29A-84868.
10	10/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	23/4/2014	Điều chỉnh phương án thanh lý 07 xe Taxi Dầu khí.
11	01/NQ-VTDKĐD-HĐQT	23/4/2014	Họp thường kỳ Quý I năm 2014
12	11/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	08/5/2014	Phê duyệt phương án tái cấu trúc Đội xe bồn vận chuyển LPG năm 2014.
13	02/NQ-VTDKĐD-HĐQT	30/5/2014	Cho thôi giữ chức vụ và bổ nhiệm có thời hạn chức vụ Kế toán trưởng Công ty.
14	12/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	30/5/2014	Bà Vũ Thị Lan Anh thôi giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty.
15	13/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	30/5/2014	Bổ nhiệm có thời hạn chức vụ Kế toán trưởng Công ty đối với ông Doãn Văn Chiến.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
16	03/NQ-VTDKĐD-HĐQT	18/6/2014	Thông qua công tác cán bộ tại Trung tâm Taxi Dầu khí Hà Nội và quy chế quản lý dòng tiền của Công ty.
17	14/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	18/6/2014	Ban hành Quy chế Quản lý dòng tiền của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương
18	04/NQ-VTDKĐD-HĐQT	22/7/2014	Họp thường kỳ Quý II/2014
19	05/NQ-VTDKĐD-HĐQT	26/8/2014	Bầu bổ sung thành viên HĐQT thay thế
20	15/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	28/8/2014	Bổ sung Kế hoạch đầu tư 2014
21	16/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	03/9/2014	Bán thanh lý 02 xe bồn chuyên dụng vận chuyển Xăng dầu.
22	17/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	29/9/2014	Cử Giám đốc đi công tác nước ngoài
23	18/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	03/10/2014	Phê duyệt điều chỉnh Phương án giao khoán kinh doanh đợt 4 (05 xe taxi thuộc lô xe BKS 30N) theo đề án khai thác thương quyền taxi Dầu khí
24	06/NQ-VTDKĐD-HĐQT	25/11/2014	Họp thường kỳ Quý 3/2014
25	19/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	25/11/2014	Phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2014 đối với từng loại hình SXKD của Công ty.
26	20/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	25/11/2014	Bổ sung KHĐT năm 2014 – Đầu tư (một) xe ô tô 07 chỗ mới 100%.
27	21/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	25/11/2014	Nâng lương chức danh Giám đốc Công ty.

b. Trong năm 2014, Hội đồng Quản trị Công ty đã:

- Chủ động tham gia hỗ trợ Ban Điều hành rà soát, xây dựng các quy chế quy định rà soát và xây dựng các quy chế, quy định nhằm tăng cường công tác quản trị và kiểm soát nội bộ;
- Quản trị doanh thu, lợi nhuận, chi phí và kiểm soát dòng tiền;
- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tái cấu trúc đội xe bồn.
- Luôn tìm kiếm các phương án kinh doanh mang tính liên tục, lâu dài, chuyên nghiệp và phát triển bền vững.
- Chỉ đạo xây dựng văn hóa doanh nghiệp của Công ty: Kỷ cương, chuyên nghiệp theo định hướng chung của ngành.
- Cập nhật tin tức cổ đông thông qua Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.
- Luôn duy trì đoàn kết nội bộ. Động viên, khuyến khích người lao động kịp thời bằng nhiều hình thức trong tình hình công ty còn gặp nhiều khó khăn, thu nhập của người lao động còn thấp.

c. Công tác giám sát đối với Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý:

- HĐQT thực hiện chức trách của mình thông qua việc tham dự và có ý kiến chỉ đạo tại cuộc họp giao ban hàng tháng của Giám đốc với bộ máy điều hành Công ty và các cuộc

hợp khác. Ngoài ra, HĐQT đã theo dõi nắm bắt tình hình SXKD, tình hình quản lý sử dụng nguồn lực của Công ty thông qua các báo cáo định kỳ và đột xuất của Giám đốc và của các bộ phận quản lý khác, giúp cho hoạt động của Người đại diện phần vốn của các đơn vị tại Công ty có điều kiện thuận lợi thực thi nhiệm vụ của mình. Trong năm 2014, tất cả các ý kiến của BKS đều được HĐQT xem xét cân trọng và tìm giải pháp khắc phục tồn tại, phát huy mặt tích cực.

- Năm 2014, HĐQT đánh giá Giám đốc Công ty đã tuân thủ đúng các quy định, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của mình theo Điều lệ Công ty và theo các quy định hiện hành khác.

d. Đánh giá chung:

Năm 2014, Các thành viên HĐQT và Giám đốc Công ty luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, trong quản lý điều hành. Thống nhất nguyên tắc tập trung dân chủ, bàn bạc và quyết định các công việc một cách công khai, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành. Với sự chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ giữa HĐQT và Giám đốc Công ty, năm 2014, kết quả hoạt động SXKD của Công ty đã đạt được như sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2014	Thực hiện năm 2014	Tỷ lệ thực hiện (%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	440,17	452,10	103
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1,43	1,40	98
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1,43	1,40	98
4	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	2,92	4,70	161
5	Kế hoạch Đầu tư XDCB và mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	9,94	9,28	93

II. Kế hoạch hoạt động năm 2015:

Trong bối cảnh khó khăn giá dầu thô thế giới tiếp tục lao dốc, Hội đồng Quản trị Công ty kiên quyết tập trung chỉ đạo và hỗ trợ Ban Điều hành tìm giải pháp thực hiện các nhiệm vụ, cụ thể như sau:

- Hoàn thành các chỉ tiêu Kế hoạch SXKD năm 2015 do ĐHĐCĐ thường niên 2015 thông qua.
- Tổ chức quản lý, khai thác an toàn, hiệu quả các phương tiện vận tải. Tập trung phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ kinh doanh xe văn phòng cho thuê, đẩy mạnh công tác tiếp thị đến các khách hàng trong và ngoài ngành.
- Hoàn tất chương trình tái cơ cấu, chuyển đổi thương hiệu, thoái vốn của Công ty khỏi lĩnh vực kinh doanh taxi; Hoàn thiện và duy trì hiệu quả mô hình kinh doanh dịch vụ điều hành taxi đã được nhượng quyền khai thác nhãn hiệu taxi của Công ty.
- Thực hiện tái cấu trúc chức năng nhiệm vụ, mô hình quản trị, tình hình tài chính của Công ty để phù hợp với việc chuyển đổi mô hình hoạt động của Công ty với hoạt động chính là vận chuyển than và CNG tại khu vực phía Bắc.

- Mở rộng và phát triển hoạt động kinh doanh, nỗ lực tìm kiếm khách hàng mới, nhiều tiềm năng làm nhà thầu phụ và thực hiện các hợp đồng dịch vụ. Tăng cường marketing dịch vụ quảng cáo trên xe taxi đến các khách hàng trong và ngoài ngành nhằm tăng doanh thu và lợi nhuận.
- Cân đối thu xếp nguồn tiền trả nợ khoản vay ưu đãi của Tập đoàn tại PVCombank.
- Xem xét đánh giá hiệu quả đầu tư các dự án đề trong trường hợp khả thi sẽ đầu tư kịp thời; giãn/điều chỉnh các dự án đầu tư chưa có tính khả thi để đảm bảo hiệu quả.
- Chỉ đạo, giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch tiết kiệm theo chủ trương của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- Thực hành tiết kiệm triệt để, quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí trong các hoạt động SXKD và đầu tư. Tăng cường công tác kiểm soát nội bộ, quản lý chặt chẽ tình hình công nợ, đảm bảo không để phát sinh nợ phải thu khó đòi. Tập trung xử lý dứt điểm các tồn đọng cũ.
- Thực hiện và tuân thủ các quy định của Nhà nước, các nội quy, quy chế của Tập đoàn, Tổng Công ty và Công ty trong công tác SXKD và quản lý điều hành. Hoàn thiện các quy trình, quy chế, hệ thống định mức phù hợp với yêu cầu SXKD của Công ty.
- Rà soát tinh giảm nhân lực kém hiệu quả, tiếp tục bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hiện tại, bổ sung nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty. Xây dựng cơ chế lương/thưởng phù hợp, đảm bảo thu hút lao động giỏi, không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động
- Chỉ đạo xây dựng văn hóa doanh nghiệp trong Công ty.
- Luôn quan tâm bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông. Duy trì chế độ họp theo quy định của Điều lệ Công ty.



TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHỤ LỤC 02:

(Đính kèm Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015

Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCD ngày 20/4/2015)

**BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NĂM 2014
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2015 CỦA BAN KIỂM SOÁT**



**BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NĂM 2014
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2015 CỦA BAN KIỂM SOÁT**

I. Về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát:

1. Cơ cấu tổ chức:

Ban kiểm soát Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương (PVTrans-PTT) gồm 03 thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, trong đó 01 Trưởng ban và 02 Thành viên.

2. Thuận lợi và khó khăn của Ban Kiểm soát:

2.1. Thuận lợi:

Việc thông tin liên lạc giữa các thành viên trong Ban, giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được duy trì thường xuyên đã tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động trong Ban.

2.2. Khó khăn:

Các thành viên trong Ban kiểm soát đều làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Trong Ban Kiểm soát có 01 thành viên đang công tác tại TP. HCM nên khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

II. Kết quả kiểm soát năm 2014:

1. Đánh giá về hoạt động của HĐQT:

Năm 2014, đã có sự thay đổi trong Hội đồng Quản trị, cụ thể:

- Bổ nhiệm Ông Bùi Văn Đại Chức vụ: Thành viên HĐQT
- Miễn nhiệm Ông Lê Minh Tiến Chức vụ: Thành viên HĐQT

Như vậy, HĐQT của Công ty gồm 05 thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo, giám sát Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ thông qua.

HĐQT đã thực hiện chế độ họp thường kỳ và đột xuất (theo hình thức họp tập trung hoặc xin ý kiến bằng văn bản) để ra Nghị quyết và Quyết định kịp thời giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền theo Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Cụ thể, trong năm 2014, HĐQT tổ chức 04 cuộc họp trực tiếp, tổ chức xin ý kiến bằng văn bản 11 lần, ban hành 27 nghị quyết và quyết định.

2. Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc:

Ban Giám đốc đã chủ động đề xuất, kiến nghị và báo cáo HĐQT các vấn đề, nội dung công việc thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của HĐQT; nắm bắt và xử lý kịp thời các vướng mắc, tồn tại trong quản lý và điều hành.

Ban Giám đốc đã phân công nhiệm vụ trong Ban để thực hiện công việc trong từng lĩnh vực cụ thể. Định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất Công ty đã tổ chức cuộc họp giao ban để kiểm điểm, đánh giá công việc được giao của từng phòng ban, cá nhân, giải quyết những vướng mắc để nâng cao hiệu quả công việc.

Ban Giám đốc đã điều hành Công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, thẩm quyền được quy định trong Điều lệ Công ty. Nhìn chung, nội dung chỉ đạo điều hành của Ban Giám đốc tuân thủ các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ.

3. Hoạt động sản xuất kinh doanh:

3.1. Kinh doanh taxi:

Tổng số xe taxi Công ty đang quản lý là 287 xe, trong đó hoạt động kinh doanh giao khoán thương quyền tại Hà Nội và Nam Định là 182 xe, cho Công ty Cửu Long thuê bareboat 100 xe, 5 xe tai nạn hư hỏng đã hoàn thành công tác sửa chữa vào tháng 10/2014 đang được giao cho Chi nhánh Nam Định để tiếp tục thương quyền. Trong năm 2014, Công ty đã thanh lý 2 xe tai nạn, hư hỏng quá nặng không có khả năng phục hồi.

Hoạt động kinh doanh xe thương quyền:

Doanh thu bình quân tại Hà Nội đạt 34 triệu đồng/xe/tháng và tại Nam Định đạt 33 triệu đồng/xe/tháng. Tuy nhiên, vẫn còn có một số lái xe năng lực khai thác thấp, kinh doanh không có hiệu quả phải thực hiện chuyển nhượng hợp đồng. Tổng số lái xe thực hiện chuyển nhượng trong năm 2014 là 40 trường hợp. Tính tháng 12/2014, Công ty đã thu hồi được gần 75% giá trị tài sản thương quyền, với số thu về đạt gần 35 tỷ đồng (trong đó có 26 trường hợp đã nộp hết toàn bộ giá trị hợp đồng).

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động kinh doanh taxi vẫn đang phải đối mặt với rất nhiều khó khăn. Để chuẩn bị cho công tác chuyển đổi thương hiệu, thoát vốn ra khỏi lĩnh vực taxi trong năm 2015, Công ty đã tiến hành rà soát để điều chỉnh, sửa đổi các quy định, quy trình quản lý nhằm phù hợp với tình hình mới, phối hợp với tập thể lái xe để phát triển các điểm sảnh, ổn định thị trường kinh doanh, triển khai các bước đầu trong công tác giao khoán chi phí cho các đơn vị trực tiếp điều hành.

Hoạt động cho thuê 100 xe bareboat:

Với sự hợp tác, hỗ trợ của Công ty Cửu Long, Công ty duy trì ổn định hoạt động cho thuê xe bareboat với doanh thu năm 2014 đạt 7,2 tỷ đồng. Công ty Cửu Long cũng đã hoàn thành chuyển đổi sang thương hiệu ECO Taxi đối với 100 xe này tại thị trường Vũng Tàu. Dự kiến, đến giữa năm 2016 sau khi kết thúc hợp đồng với Công ty Cửu Long, Công ty sẽ tiến hành chuyển nhượng để thu hồi vốn đối với toàn bộ số xe này.

3.2. Kinh doanh xe văn phòng cho thuê:

Hiện nay, Công ty đang quản lý khai thác 27 xe văn phòng cho thuê, trong đó xe Công ty đầu tư là 17 xe, thuê vệ tinh là 10 xe. Tổng số xe cho thuê định hạn là 18 xe, số xe chạy chuyển là 09 xe.

Đây là hoạt động kinh doanh có hiệu quả và ổn định về lợi nhuận. Trong năm 2014 Công ty đã đầu tư thêm được 06 xe để cung cấp cho 4 hợp đồng định hạn ký mới và thay thế 2 xe đến

23
N
Ổ
T
NG
/A

kỳ thay thế rút về tăng cường chạy chuyển. Đồng thời, Công ty cũng đã tiến hành thanh lý các dòng xe lạc hậu, không còn phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty như Honda Civic, Mercedes để tập trung nguồn vốn đầu tư các xe mới.

Ngoài ra, Công ty đã đạt được thỏa thuận nguyên tắc về việc hợp tác với PVBuilding để cung ứng từ 4 đến 6 xe loại 47 chỗ phục vụ cho BSR từ năm 2015 theo hợp đồng định hạn tối thiểu 48 tháng không hủy ngang.

Doanh thu xe vận phòng năm 2014 ước đạt 10,12 tỷ đồng tương đương 93,7% kế hoạch năm. Nguyên nhân không đạt kế hoạch đề ra là do sự sai lệch giữa thời điểm dự kiến đầu tư và đưa vào khai thác với thời điểm thực hiện đầu tư.

3.3. Kinh doanh vận chuyển xe bồn:

Năm 2014 tiếp tục là một năm khó khăn đối với đội xe bồn 14 chiếc tải trọng nhỏ của Công ty. Trước tình hình đó, Công ty đã thực hiện tái cấu trúc đội xe bồn, cụ thể:

Xe bồn LPG: Tiến hành cho thuê mua 6 xe, giữ lại khai thác 6 xe (trong đó có 1 xe tải trọng 5,3 tấn) hiện đang được duy trì ổn định với tần suất hoạt động trung bình 23 chuyến/xe/tháng. Tuy nhiên với quy định kiểm soát về tải trọng và mức giá cước đang thực hiện thì hoạt động vận tải LPG vẫn chưa có hiệu quả.

Xe bồn xăng dầu: Ảnh hưởng từ hoạt động kinh doanh xăng dầu nên 02 xe bồn của Công ty khai thác không ổn định, hiệu suất thấp trung bình chỉ đạt 2 chuyến/xe/tháng, có tháng không triển khai được đơn hàng nào. Công ty đã dừng kinh doanh 02 xe bồn này và thực hiện thanh lý phương tiện trong tháng 8/2014.

Kết quả năm 2014, đội xe bồn Công ty khai thác an toàn với doanh thu năm 2014 đạt 7,44 tỷ đồng, bằng 64,2% kế hoạch năm.

3.4. Kinh doanh xăng dầu, LPG:

Kinh doanh xăng dầu: Do kinh tế năm 2014 vẫn còn nhiều khó khăn, sản xuất đình trệ, nhu cầu tiêu thụ của các khách hàng truyền thống giảm. Đồng thời, Công ty thực hiện rà soát, loại bỏ các khách hàng rủi ro cao nên trong các tháng đầu năm 2014 sản lượng bán ra sụt giảm mạnh, thậm chí có tháng không triển khai được đơn hàng nào. Ngoài ra, do không đáp ứng được các điều kiện về kinh doanh xăng dầu theo quy định của nhà nước. Từ tháng 8/2014 Công ty đã quyết định ngừng hoạt động kinh doanh xăng dầu.

Kinh doanh LPG: Giá LPG thế giới trong năm biến động liên tục theo chiều hướng giảm đặc biệt là các tháng cuối năm (Giá LPG tháng 12/2014 là 560USD/MT chỉ bằng 55% các tháng đầu năm), được đánh giá là những diễn biến bất thường, trái ngược hẳn với quy luật hàng năm, đã ảnh hưởng rất lớn đến công tác điều phối hoạt động kinh doanh LPG của Công ty. Tuy nhiên, Công ty liên tục bám sát kế hoạch cấp hàng của đầu mối, tình hình sản xuất của khách hàng để thực hiện điều phối hàng hóa, duy trì ổn định sản lượng các hợp đồng term bình quân đạt 500-700MT/tháng. Ngoài ra, Công ty thường xuyên kiểm soát chặt chẽ công nợ khách hàng để phát sinh nợ xấu, tiếp tục thu hồi được hơn 9,726 tỷ nợ quá hạn của Điện Quang và Thái Dương.

Kết quả tổng doanh thu kinh doanh xăng dầu và LPG năm 2014 ước đạt 354,38 tỷ đồng, bằng 101,2% kế hoạch năm.

3.5. Dịch vụ quảng cáo:

Trong năm 2014 Công ty đã được Tổng Công ty PVTrans đã hỗ trợ trực tiếp ký kết hợp đồng quảng cáo với giá trị 2,5 tỷ đồng, duy trì hợp đồng quảng cáo hàng năm với PVGas hơn 1 tỷ đồng. Ngoài ra Công ty cũng đã tiếp cận và ký kết được các hợp đồng quảng cáo với BSR và PVFCCo. Doanh thu quảng cáo năm 2014 đạt 4,4 tỷ đồng, bằng 138,9% kế hoạch.

Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2014 như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2014 điều chỉnh (*)	Thực hiện 2014	So sánh với TH 2013	So sánh với KH 2014
1	Doanh thu	578,41	440,17	452,10	78%	103%
2	Lợi nhuận sau thuế	0,26	1,43	1,40	538%	98%
3	Nộp ngân sách	5,47	2,92	4,70	86%	161%

(*) Kế hoạch SXKD năm 2014 điều chỉnh **CHỈ TIÊU LỢI NHUẬN**

4. Công tác đầu tư:

Tình hình thực hiện đầu tư của Công ty năm 2014:

Đơn vị: triệu đồng

Stt	Tên Dự án	KH được phê duyệt			Thực hiện		
		Tổng	Vốn CSH	Vốn vay	Tổng	Vốn CSH	Vốn vay
1	Dự án đầu tư 02 xe văn phòng 07 chỗ	2.369,44	2.369,44	0	2.293,11	2.293,11	0
2	Dự án đầu tư 01 xe văn phòng 05 chỗ	1.449,04	1.449,04	0	1.445,08	1.445,08	0
3	Dự án đầu tư 01 xe văn phòng 07 chỗ	3.166,34	3.166,34	0	3.051,58	3.051,58	0
4	Dự án đầu tư 01 xe văn phòng 05 chỗ	1.308,68	1.308,68	0	1.304,32	1.304,32	0
5	Dự án đầu tư 01 xe văn phòng 07 chỗ	1.187,72	1.187,72	0	1.183,22	1.183,22	0
	Tổng cộng	9.481,22	9.481,22		9.277,31	9.277,31	

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT về việc bổ sung Kế hoạch đầu tư năm 2014, Kế hoạch đầu tư được giao là 9,94 tỷ đồng. Tuy nhiên, tổng kế hoạch chi tiết cho từng dự án là 9,48 tỷ đồng.

Năm 2014, Công ty đã hoàn thành thanh lý các tài sản như sau:

Stt	Tài sản thanh lý	KH được phê duyệt (triệu đồng)	Giá bán thực tế (triệu đồng)
1	01 xe Mercedes E200	583,00	530,00
2	02 xe bồn xăng dầu	1.039,11	1.067,00
3	02 xe taxi	247,28	248,00
	Tổng cộng	1.869,39	1,915,00

5. Thẩm định Báo cáo Tài chính:

Trên cơ sở thẩm định Báo cáo tài chính đã được kiểm toán và các chứng từ Ban Kiểm soát được cung cấp, các báo cáo tài chính được công ty lập theo đúng mẫu biểu với một số chỉ tiêu kết quả như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)
I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
1	Tài sản ngắn hạn	144.775.529.430
1.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	48.779.568.961
1.2	Các khoản phải thu ngắn hạn	86.687.992.594
1.3	Hàng tồn kho	2.639.059.601
1.4	Tài sản ngắn hạn khác	6.668.908.247
2	Tài sản dài hạn	83.803.252.947
2.1	Tài sản cố định	81.760.376.950
2.2	Tài sản dài hạn khác	2.042.875.997
Tổng tài sản		228.578.782.377
3	Nợ phải trả	134.919.050.493
3.1	Nợ phải trả ngắn hạn:	113.830.919.405
3.2	Nợ phải trả dài hạn	21.088.131.088
4	Vốn chủ sở hữu	93.659.731.884
4.1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000
4.2	Lãi, lỗ lũy kế	(6.340.268.116)
Tổng nguồn vốn		228.578.782.377
II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH		
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	452.494.062.392
2	Lợi nhuận trước thuế	1.401.276.842
3	Lợi nhuận sau thuế	1.401.276.842

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Tổng doanh thu: 0,31 %.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu: 1,5%

III. Kết luận và kiến nghị:

Để nâng cao công tác quản lý, điều hành cũng như hiệu quả kinh doanh, Ban Kiểm soát có một số nhận xét và kiến nghị như sau:

1. Rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện các quy trình, quy chế của Công ty phù hợp phù hợp với quy định của pháp luật cũng như thông lệ hiện hành.
2. Trong năm 2014, Công ty đã thực hiện theo dõi công nợ sát sao và nỗ lực thu hồi công nợ, tuy nhiên hiệu quả đạt được chưa cao. Cụ thể, nợ phải thu tính đến 31/12/2014 là 87,55 tỷ

đồng, trong đó nợ phải thu quá hạn là 11,53 tỷ đồng (chiếm 13,17%). Công nợ tạm ứng tồn đọng đầu năm 2014 là 1,55 tỷ đồng, đến ngày 31/12/2014, công nợ tạm ứng tồn đọng giảm 0,34 tỷ đồng, còn 1,21 tỷ đồng.

3. Đến ngày 31/12/2014, Khoản nợ ngắn hạn của Công ty với PVcomBank là 29,07 tỷ đồng. Thời hạn Hợp đồng này đã hết vào ngày 18 tháng 06 năm 2014. Đề nghị Công ty làm việc với các đơn vị liên quan để được chấp thuận gia hạn Hợp đồng trong trường hợp không thu xếp được vốn để thanh toán khoản nợ này.
4. Đề nghị Công ty cân trọng, thống nhất trong công tác báo cáo số liệu.

IV. Phương hướng, nhiệm vụ năm 2015:

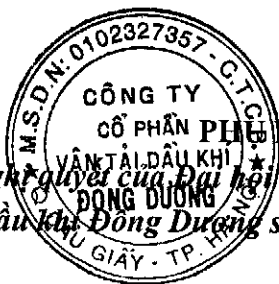
Để hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát trình Đại hội kế hoạch làm việc năm 2015 như sau:

1. Tiếp tục nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý của HĐQT, Ban Giám đốc, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực cân trọng trong quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện đầu tư, quản lý vốn, tài sản,... của Công ty.
2. Xem xét các kế hoạch, báo cáo của Công ty về: tình hình tài chính, SXKD, thực hiện các dự án đầu tư, công tác quản lý về tổ chức, lao động, tiền lương, thưởng, các chế độ khác liên quan đến Công ty và người lao động,...
3. Thẩm định báo cáo tài chính của Công ty.
4. Kiểm tra định kỳ và đột xuất các vấn đề liên quan đến công tác tổ chức, thực hiện các Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và Ban Giám đốc.
5. Thu nhận các thông tin, trao đổi, giao tiếp với cổ đông và xử lý các vấn đề theo yêu cầu của cổ đông.
6. Duy trì sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động với HĐQT, Ban Giám đốc và các phòng, đơn vị chức năng trong Công ty.



TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



LỤC 03:

(Đính kèm Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2015)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2014 VÀ
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015 CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2014 VÀ
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015 CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

PHẦN A
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2014

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Khó khăn:

Cùng lúc phải đối mặt với những khó khăn chung của nền kinh tế, trong năm 2014 Công ty còn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động SXKD của mình:

- Kinh doanh vận tải taxi: Khả năng cạnh tranh trong hoạt động vận tải taxi của Công ty là rất thấp, số đầu xe taxi của Công ty vẫn chỉ duy trì như năm 2013 với 110 xe tại Hà Nội và 72 tại Nam Định. Mặc dù toàn bộ hoạt động kinh doanh taxi của Công ty ở cả hai thị trường này đều đã chuyển sang hình thức giao khoán kinh doanh thương quyền, nhưng đến hết năm 2014 cũng mới chỉ thu hồi được gần 75% giá trị tài sản, hoạt động taxi vẫn còn nhiều phức tạp và tiềm ẩn nhiều rủi ro, đặc biệt trước những áp lực của những công ty dịch vụ vận tải nước ngoài như Easytaxi, Grabtaxi, Ubertaxi... được dự báo diễn ra rất khốc liệt trong thời gian tới.
- Kinh doanh vận tải xe bồn: Chủng loại xe bồn của Công ty được đầu tư từ những năm 2008-2009 với tải trọng nhỏ, trong năm 2014 lại tiếp tục phải giảm tải trọng 25-30% theo quy định của Bộ Giao thông, trong khi đó Công ty chỉ tăng được giá cước với các doanh nghiệp tư nhân, còn đối với các khách hàng trong ngành chiếm sản lượng vận tải lớn như GasNorth, GasCity, GasHN thì Công ty lại phải điều chỉnh giảm giá cước 5% theo mức giảm giá dầu trên thị trường.
- Kinh doanh vận tải xe văn phòng cho thuê: Năm 2014 Tập đoàn và các đơn vị đều tăng cường các biện pháp tiết giảm chi phí, hạn chế tối đa chi phí đi lại hội họp, rà soát định mức tiêu chuẩn sử dụng phương tiện..., ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ xe văn phòng của Công ty.
- Kinh doanh LPG: Giá LPG thế giới có xu hướng giảm ngay từ các tháng đầu năm, đến các tháng cuối năm đã có sự sụt giảm mạnh chưa từng có, công tác dự báo giá gặp nhiều khó khăn, hoạt động bán hàng chịu áp lực cực lớn giữa việc vừa phải khẩn trương bán hàng để tránh tồn kho, vừa phải đảm bảo an toàn tối đa về công nợ.

Bên cạnh đó, nguồn vốn lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh cũng rất hạn chế do áp lực trả nợ gốc và lãi vay khoản vay taxi với PVComBank cao. Công tác tái cấu trúc còn gặp nhiều khó khăn do cùng lúc triển khai trên toàn bộ các lĩnh vực hoạt động, nhiều việc vừa học tập để triển khai, vừa đánh giá rút kinh nghiệm cho các bước tiếp theo.

2. Thuận lợi:

- Công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm, hỗ trợ mạnh mẽ và trực tiếp của Tổng Công ty PVTrans trong mọi lĩnh vực hoạt động, sự hỗ trợ của Tập đoàn Dầu khí và Tổng Công ty Khí PVGas trong việc hỗ trợ chính sách giá LPG phục vụ taxi của Công ty; sự hỗ trợ sử dụng các dịch vụ vận tải trong ngành từ phía các đơn vị trong Tập đoàn đã giúp Công ty hoàn thành được nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2014 được giao.
- Giá nhiên liệu các tháng cuối năm 2014 điều chỉnh giảm giúp cho Công ty giảm được chi phí, tạo cơ hội cân đối lại hiệu quả từng lĩnh vực vận tải.

- Công tác tái cơ cấu, nâng cao năng lực quản trị của Công ty đã phát huy hiệu quả trên các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị; chất lượng nguồn nhân lực đã được cải thiện đáng kể, đã hình thành được đội ngũ cán bộ nhân viên Công ty tâm huyết, có trách nhiệm và đoàn kết, cùng nỗ lực làm việc vì sự tồn tại và phát triển của Công ty.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2014

Trước tình hình trên, Ban lãnh đạo Công ty đã quyết liệt triển khai các giải pháp khả thi, hiệu quả, đồng thời từng bước giải quyết các vấn đề nổi cộm và tồn đọng của đơn vị, tranh thủ những điều kiện thuận lợi cùng toàn bộ CBCNV Công ty đoàn kết, nỗ lực quyết tâm vượt qua khó khăn, ổn định sản xuất kinh doanh và cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao năm 2014.

1. Các chỉ tiêu SXKD chủ yếu:

ĐVT: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2014 điều chỉnh (*)	Thực hiện 2014	So sánh với TH 2013	So sánh với KH 2014
1	Doanh thu	578,00	440,17	452,10	78%	103%
2	Lợi nhuận trước thuế	0,3	1,43	1,40	538%	98%
3	Lợi nhuận sau thuế	0,3	1,43	1,40	538%	98%
4	Nộp ngân sách	5,75	2,92	4,70	82%	161%

(*) Kế hoạch SXKD điều chỉnh năm 2014 đã được HĐQT Công ty phê duyệt tại công văn số 01/QĐ-VTDKDD-HĐQT ngày 09/02/2015.

(Bảng số liệu chi tiết từng lĩnh vực kèm theo)

2. Đánh giá kết quả các lĩnh vực kinh doanh chính:

a) Lĩnh vực kinh doanh taxi:

Đến hết năm 2014, tổng số xe taxi Công ty quản lý là 285 xe, trong đó hoạt động kinh doanh giao khoán thương quyền tại Hà Nội và Nam Định là 181 xe, cho Công ty Cửu Long thuê bareboat 100 xe, 04 xe tai nạn hư hỏng đã hoàn thành công tác sửa chữa vào tháng 10/2014 đang được giao cho Chi nhánh Nam Định để tiếp tục thương quyền.

Như vậy số xe quản lý cuối năm 2014 giảm 04 xe so với năm 2013 do trong năm 2014 Công ty đã thanh lý 2 xe tai nạn, hư hỏng quá nặng không có khả năng phục hồi; thanh lý hợp đồng thương quyền 01 xe và 01 xe bàn giao cho Đội xe văn phòng khai thác phục vụ văn phòng Công ty.

- Hoạt động kinh doanh xe thương quyền:

Bình quân doanh thu mỗi đầu xe tại Hà Nội đạt 34 triệu đồng/tháng và tại Nam Định đạt 33 triệu đồng/tháng. Tuy nhiên, vẫn còn có một số lái xe năng lực khai thác thấp, kinh doanh không có hiệu quả phải thực hiện chuyển nhượng hợp đồng. Tổng số lái xe thực hiện chuyển nhượng trong năm 2014 là 40 trường hợp.

Số dư nợ phải thu của lái xe taxi dao động ở mức từ 320-330 triệu đồng, bình quân ở mức đương 2 triệu đồng/lái xe và tương đương 2,5% giá trị tiền đặt cọc ban đầu. Tính đến thời điểm tháng 12/2014, Công ty đã thu hồi được gần 75% giá trị tài sản thương quyền, với số thu về đạt gần 35 tỷ đồng (trong đó có 26 trường hợp đã nộp hết toàn bộ giá trị hợp đồng).

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động kinh doanh taxi vẫn đang phải đối mặt với rất nhiều khó khăn. Để chuẩn bị cho công tác chuyển đổi thương hiệu, thoái vốn ra khỏi lĩnh vực taxi trong năm 2015, Công ty đã tiến hành rà soát để điều chỉnh, sửa đổi các quy định, quy trình quản lý nhằm phù hợp với tình hình mới, phối hợp với tập thể lái xe để phát triển

các điểm sân, ổn định thị trường kinh doanh, triển khai các bước đầu trong công tác giao khoán chi phí cho các đơn vị trực tiếp điều hành.

- **Hoạt động cho thuê 100 xe bareboat:** Với sự hợp tác, hỗ trợ toàn diện của Công ty Cửu Long, Công ty duy trì ổn định hoạt động cho thuê xe bareboat với doanh thu năm 2014 đạt 7,2 tỷ đồng. Theo chủ trương chỉ đạo của Tập đoàn và Tổng Công ty, đến giữa năm 2016 sau khi kết thúc hợp đồng với Công ty Cửu Long, Công ty sẽ tiến hành chuyển nhượng để thu hồi vốn đối với toàn bộ số xe này.

b) Lĩnh vực kinh doanh xe văn phòng cho thuê:

Đến cuối năm 2014, Công ty đang quản lý khai thác 27 xe văn phòng cho thuê, trong đó xe Công ty đầu tư là 18 xe, thuê vệ tinh là 09 xe. Tổng số xe cho thuê định hạn là 17 xe, số xe chạy chuyển là 10 xe.

Xác định đây là hoạt động kinh doanh có hiệu quả và ổn định về lợi nhuận, Công ty đã tận dụng tối đa các mối quan hệ trong ngành để phát triển các hợp đồng mới, tăng số đầu xe định hạn, duy trì tốt mối quan hệ với các đơn vị vệ tinh để nâng cao năng lực dịch vụ xe chuyển, đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng trong các dịp hội họp, lễ tết tại Hà Nội và các tỉnh phía Bắc. Kết quả trong năm 2014 Công ty đã đầu tư thêm được 06 xe để cung cấp cho 4 hợp đồng định hạn ký mới và thay thế 2 xe đến kỳ thay thế rút về tăng cường chạy chuyển.

Doanh thu xe văn phòng năm 2014 đạt 10,37 tỷ đồng tương đương 96% kế hoạch năm. Nguyên nhân chủ yếu là do sự sai lệch giữa thời điểm dự kiến đầu tư và đưa vào khai thác với thời điểm thực hiện đầu tư. Cụ thể là theo kế hoạch 2014 thì thời điểm đầu tư và khai thác 4 xe mới ngay từ Quý I, tuy nhiên đến Quý III Công ty mới ký được hợp đồng để thực hiện đầu tư và đưa vào kinh doanh.

Công ty cũng đã tiến hành thanh lý dòng xe lạc hậu, không còn phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty như Mercedes để tập trung nguồn vốn đầu tư các xe mới. Đồng thời tập trung tăng cường công tác quản lý kỹ thuật phương tiện, thực hiện công tác kiểm tra thường xuyên và định kỳ, tổ chức tuyển dụng và đào tạo lái xe chặt chẽ đúng quy trình. Công ty nhận định, với đặc thù hoạt động của các doanh nghiệp ngành dầu khí, khả năng phát triển đột phá lĩnh vực xe văn phòng là rất hạn chế, để phát triển thì ngoài các dòng xe truyền thống, cần hướng đến phát triển các dòng xe lớn phục vụ đưa đón CBCNV cho các đơn vị sử dụng nhiều lao động như Bình Sơn, Nghi Sơn... Theo đó, Công ty đã đạt được thỏa thuận nguyên tắc về việc hợp tác với PVBuiding để cung ứng từ 4 xe loại 47 chỗ phục vụ cho BSR từ năm 2015 theo hợp đồng định hạn tối thiểu 60 tháng không hủy ngang.

c) Lĩnh vực kinh doanh vận chuyển xe bồn:

Năm 2014 tiếp tục là một năm khó khăn đối với đội xe bồn 14 chiếc tải trọng nhỏ của Công ty. Trước tình hình đó, Công ty đã cân nhắc các phương án và quyết định thực hiện tái cấu trúc đội xe bồn, cụ thể:

- Xe bồn LPG: Tiến hành cho thuê mua 05 xe + cho thuê 01 xe. Số xe còn lại 6 xe (trong đó có 1 xe tải trọng 5,3 tấn) kinh doanh ổn định với tần suất hoạt động trung bình 23 chuyến/xe/tháng. Tuy nhiên với quy định kiểm soát về tải trọng và mức giá cước đang thực hiện thì hoạt động vận tải LPG vẫn chưa có hiệu quả.

Để đảm bảo hoạt động này không lỗ, một mặt Công ty phải tiếp tục rà soát để tiết giảm tối đa các khoản chi phí có liên quan, một mặt tiến hành thỏa thuận với các đơn vị vận tải LPG phía Bắc để phân chia thị phần và đàm phán với các khách hàng tăng giá cước vận chuyển trong năm 2015. Theo đó, Công ty đã tăng được đồng đều 2 USD/tấn đối với các khách hàng là đơn vị tư nhân, giữ vững sản lượng vận tải với các đơn vị trong ngành. Riêng đối với các đơn vị chiếm sản lượng vận tải lớn như GasN, GasCity, GasHN thì hiện tại vẫn đang phải duy trì mức cước tháng 12/2014 (giảm 5% so với mức cước đầu năm).

- Xe bồn xăng dầu: Ảnh hưởng từ hoạt động kinh doanh xăng dầu nên 02 xe bồn của Công ty khai thác không ổn định, hiệu suất thấp trung bình chỉ đạt 2 chuyến/xe/tháng, có tháng không

triển khai được đơn hàng nào. Với các quy định quản lý nghiêm ngặt tải trọng, theo tính toán nếu tiếp tục duy trì hoạt động, lĩnh vực vận chuyển xe bồn xăng dầu sẽ lỗ. Do đó, Công ty đã dừng kinh doanh 02 xe bồn này và thực hiện thanh lý phương tiện trong tháng 8/2014.

Kết quả năm 2014 đội xe bồn Công ty khai thác an toàn với doanh thu năm 2014 đạt 7,45 tỷ đồng, bằng 64% kế hoạch năm.

d) Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, LPG

- Kinh doanh xăng dầu: Do kinh tế năm 2014 vẫn còn nhiều khó khăn, giá xăng dầu giảm mạnh về cuối năm, nhu cầu tiêu thụ của các khách hàng truyền thống giảm, đồng thời theo chính sách mới của Công ty rà soát, loại bỏ các khách hàng rủi ro cao nên trong các tháng đầu năm 2014 sản lượng bán ra sụt giảm mạnh, thậm chí có tháng không triển khai được đơn hàng nào. Đồng thời do không đáp ứng được các điều kiện về kinh doanh xăng dầu theo quy định của nhà nước, từ tháng 8/2014 Công ty đã quyết định ngừng hoạt động kinh doanh xăng dầu để tập trung nguồn lực vào các lĩnh vực khác.

- Kinh doanh LPG: Giá LPG thế giới trong năm biến động liên tục theo chiều hướng giảm đặc biệt là các tháng cuối năm (Giá LPG tháng 01 là 1.015USD/MT, giá LPG tháng 12 là 560USD/MT bằng 55% các tháng đầu năm), được đánh giá là những diễn biến bất thường, trái ngược hẳn với quy luật hàng năm, đã ảnh hưởng rất lớn đến công tác điều phối hoạt động kinh doanh LPG của Công ty.

Nhận thức được tình hình, bộ phận kinh doanh liên tục bám sát kế hoạch cấp hàng của đầu mối, tình hình sản xuất của khách hàng để thực hiện điều phối hàng hóa, duy trì ổn định sản lượng các hợp đồng term bình quân đạt 500-700MT/tháng, đồng thời tổ chức phối hợp với bộ phận kế toán kiểm soát chặt chẽ công nợ khách hàng. Trong năm 2014 Công ty không để phát sinh nợ xấu, tiếp tục thu hồi được hơn 9,726 tỷ nợ quá hạn của Điện Quang và Thái Dương.

Với quyết tâm phấn đấu hoàn thành tốt tất cả các chỉ tiêu kế hoạch được giao, trong 03 tháng cuối năm, được sự hỗ trợ của PVGasSouth, Công ty đã triển khai ký kết và tổ chức thực hiện thành công hợp đồng mua bán LPG với Công ty VTGas, sản lượng bình quân đạt 2.800 tấn/tháng, đảm bảo hiệu quả và an toàn về vốn.

Kết quả tổng doanh thu kinh doanh xăng dầu và LPG năm 2014 đạt 362,94 tỷ đồng, bằng 104% kế hoạch năm.

e) Lĩnh vực cung cấp dịch vụ quảng cáo trên phương tiện

Trong năm 2014 Công ty đã được Tổng Công ty PVTrans hỗ trợ ký hợp đồng quảng cáo giá trị 2,5 tỷ đồng, tiếp tục duy trì hợp đồng quảng cáo hàng năm với PVGas trị giá 1,044 tỷ đồng. Ngoài ra Công ty cũng đã đàm phán và ký kết được các hợp đồng quảng cáo với Công ty BSR và PVFCCo.

Doanh thu quảng cáo năm 2014 đạt 4,41 tỷ đồng, bằng 101% kế hoạch.

3. Công tác đầu tư

- Trên cơ sở kế hoạch đầu tư năm 2014 đã được HĐQT Công ty phê duyệt, Công ty đã triển khai và hoàn thành 05 dự án đầu tư 06 xe văn phòng cho thuê (02 xe Camry, 03 xe Fortuner, 01 xe LandCruiser) với tổng mức đầu tư 9,278 tỷ đồng bằng vốn chủ sở hữu, đạt 100% kế hoạch được phê duyệt. Đến cuối năm, Công ty đã thực hiện giải ngân 100% vốn đầu tư cho các nhà cung cấp. Công tác đầu tư được tổ chức thực hiện nghiêm túc, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và của Tổng Công ty.

- Trong năm Công ty cũng đã hoàn thành việc bán thanh lý 01 xe Mercedes E200, 02 xe taxi hư hỏng nặng và 02 xe bồn vận tải xăng dầu. Tổng số tiền thanh lý thu về là 1,915 tỷ đồng. Công tác thanh lý tài sản được thực hiện theo đúng quy trình, quy định hiện hành của pháp luật, của Tổng Công ty và Công ty.

4. Công tác quản lý, tổ chức

a) Công tác tổ chức nhân sự:

Năm 2014, Công ty tiếp tục duy trì mô hình hoạt động với 5 phòng chức năng thuộc Khối Văn phòng Công ty, 2 đơn vị trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh taxi là Trung tâm Taxi Hà Nội và Chi nhánh Nam Định, hai đội xe dịch vụ trực thuộc phòng Kinh doanh là Đội xe bồn và Đội xe văn phòng cho thuê. Ngoài việc tập trung phát triển nguồn nhân lực hiện có, Công ty đã thực hiện nghiêm túc công tác tuyển dụng nhân sự mới từ nguồn ứng viên bên ngoài với đội ngũ nhân sự trẻ, khỏe, nhiệt tình và có trình độ chuyên môn phù hợp. Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện thanh lý, chấm dứt hợp đồng lao động với 54 trường hợp (nghỉ hưu, chấm dứt HĐ do tái cấu trúc đội xe bồn, mất đột ngột...), tất cả các trường hợp đều thực hiện theo các quy định đảm bảo chế độ cho người lao động. Số liệu lao động tại thời điểm 31/12/2014 như sau:

- + LĐ đầu kỳ : 294 người (lái xe taxi 196 người, lao động khác 98 người)
- + LĐ tăng trong kỳ : 38 người.
- + LĐ giảm trong kỳ : 54 người.
- + LĐ cuối kỳ : 278 người.

Trong đó:

- Khối lao động trực tiếp: 217 người (191 lái xe taxi, 19 lái xe cho thuê văn phòng và 07 lái xe bồn chuyên dụng). Trình độ lao động: 100% là công nhân lái xe.
- Khối lao động gián tiếp: 56 người (Khối VP Công ty 30 người, TTTX 12 người, CNND 12 người, Bộ phận điều độ xe bồn và xe VP 02 người)
Trình độ lao động: Thạc sỹ: 01 người chiếm 1,78%; Đại học: 36 người chiếm 64,2%; Cao đẳng/Trung cấp nghề: 14 người chiếm 25%; Công nhân kỹ thuật: 03 người chiếm 5,35%; Lao động phổ thông: 02 người chiếm 3,57%
- Lao động thời vụ: 05 người (TTTX: 04 LĐ, CNND: 01 LĐ)

b) Công tác tiền lương

Công tác chi trả lương cho CBCNV, người lao động luôn đảm bảo tiến độ trước ngày mùng 10 hàng tháng. Trong năm 2014, Công ty tiếp tục thực hiện công tác đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành công việc định kỳ hàng tháng để làm cơ sở chi trả lương cho khối lao động gián tiếp, thực hiện chính sách chi trả 80% lương chức danh đối với các chức danh quản lý từ Phó trưởng phòng trở lên, 20% lương chức danh còn lại sẽ được chi trả sau khi Công ty có đánh giá về kết quả SXKD thực hiện so với kế hoạch đặt ra. Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện nghiêm túc quy định về việc xét nâng lương hàng năm đảm bảo quyền và lợi ích của người lao động khi đủ điều kiện xét nâng lương. Năm 2014 đã thực hiện điều chỉnh và xét nâng lương cho 59 trường hợp.

Tổng quỹ lương chi trả trong năm 2014 là 7,88 tỷ đồng (không bao gồm lương của khối lái xe taxi). Thu nhập bình quân ước đạt 8,6 triệu đồng/người/tháng, đạt 105 % kế hoạch năm.

Đánh giá chung, công tác tiền lương của Công ty được thực hiện đúng các Quy chế của Công ty. Tuy nhiên hệ thống thang bảng lương hiện nay của Công ty cần được sớm sửa đổi phù hợp với các quy định mới của nhà nước. Để hướng tới việc trả lương theo kết quả công việc, tiếp thu chỉ đạo của các Ban chức năng Tổng Công ty, trong năm Công ty đã tiến hành 2 đợt bổ sung, sửa đổi, điều chỉnh các quy định đánh giá mức độ hoàn thành của CBCNV, NLĐ với các tiêu chí cụ thể hơn, thang điểm chi tiết hơn, giúp cho công tác đánh giá và xếp loại lao động được dễ dàng hơn, khách quan hơn. Theo kế hoạch sẽ đưa vào áp dụng chính thức từ tháng 01/2015.

d) Công tác quản trị, tái cấu trúc:

- Phát huy kết quả tái cấu trúc đạt được trong năm 2013 là hoàn thành chuyển đổi mô hình kinh doanh taxi, cơ cấu lại toàn bộ hệ thống quản lý điều hành taxi và các phòng chức năng Công ty, trong năm 2014 Công ty đã tập trung đẩy mạnh việc rà soát, chấn chỉnh và hoàn thiện các quy chế quản lý theo hướng gắn trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm tập thể với nhiệm vụ được giao. Đồng thời tiếp tục triển khai các biện pháp kiểm soát chặt chẽ chi phí tại các đơn vị trực tiếp kinh doanh, kiểm soát chặt chẽ tình hình công nợ, đảm bảo không để phát sinh nợ phải

thu khó đòi, đơn đốc thu hồi công nợ quá hạn; Hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ để kiểm soát toàn bộ các hoạt động kinh doanh; Kiện toàn công tác tài chính kế toán, trích lập dự phòng 100% tổn động từ các năm trước, hoàn thành cơ bản việc xử lý các khoản chi phí treo gác; Rà soát, chấn chỉnh các hoạt động đầu tư, quản lý thương mại,... Cải tiến và chấn chỉnh lại công tác tổng hợp, xây dựng báo cáo kế hoạch; Tự tổ chức kiểm tra, giám sát công tác quản lý, điều hành tại các đơn vị, phát hiện và chấn chỉnh kịp thời những tồn tại, bất cập trong công tác quản lý tại các đơn vị; Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008.

- Đối với cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động: Bộ máy các phòng, đơn vị hoạt động theo hướng tinh gọn, tập trung đầu mối quản lý, nâng cao hiệu quả năng suất lao động; Đánh giá, kiện toàn bộ máy quản lý tại Văn phòng Công ty đảm bảo đủ năng lực, trình độ chuyên môn để hoàn thành công việc được giao, sắp xếp điều chuyển và bố trí công việc hợp lý đối với từng cán bộ công nhân viên.

- Trong năm 2014 Công ty bám sát dự án CNG do GasD và GasN đang triển khai đầu tư tại Thái Bình để xây dựng phương án và kế hoạch cung cấp dịch vụ vận chuyển CNG. Công ty cũng chủ động phối hợp với Ban Kinh doanh Tổng Công ty để bám sát tiến độ triển khai dịch vụ vận chuyển than bằng xà lan cho nhà máy nhiệt điện Thái Bình dự kiến sẽ đi vào hoạt động trong năm 2016.

5. Công tác an sinh xã hội, hoạt động đoàn thể

Dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy cấp trên, Chi ủy chi bộ Công ty, các tổ chức đoàn thể trong Công ty đã có những hoạt động nổi bật, thiết thực. Chi bộ Đảng đã trực tiếp lãnh đạo các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội CCB tổ chức cho các Đoàn viên nhiệt tình tham gia lao động sản xuất; chỉ đạo các tổ chức đoàn thể quản chúng kiện toàn công tác tổ chức theo đúng quy định, hướng dẫn của Tổng Công ty và Tập đoàn. Chi bộ đã thường xuyên tuyên truyền giáo dục tư tưởng chính trị cho đội ngũ cán bộ đoàn viên thanh niên trong Công ty. Trong năm Chi bộ đã bồi dưỡng và triển khai thủ tục kết nạp Đảng cho 06 đối tượng cảm tình Đảng.

Chính quyền cùng các đoàn thể chính trị xã hội tại Công ty luôn nhiệt tình hưởng ứng các hoạt động, chương trình do Tập đoàn, Tổng Công ty phát động: đi làm thêm ngày thứ 7 ủng hộ “Quỹ Nghĩa tình đồng đội”, “Quỹ tương trợ Dầu khí”, ủng hộ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt... theo đúng chủ trương chỉ đạo của Tập đoàn và Tổng Công ty.

Đồng thời, Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty thường xuyên phối hợp chặt chẽ trong các hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV (tổ chức dã ngoại tham quan cho CBCNV nữ dịp 8/3 và 20/10, tổ chức và tặng quà cho các cháu thiếu nhi ngày 01/6 và Trung thu, thăm hỏi và động viên vật chất lẫn tinh thần gia đình đồng chí Khuất Minh Hiền,...); Phát động và tổ chức các hoạt động góp phần tạo môi trường làm việc lành mạnh, nâng cao đời sống tinh thần giúp người lao động hăng say, tích cực lao động: Tổ chức cuộc thi “Khéo tay hay làm”, Ngày hội thể thao PTT tại Nam Định, tổ chức Đại hội Đại biểu Đoàn thanh niên Công ty lần thứ 3 nhiệm kỳ 2014-2017, tổ chức Đại hội Đại biểu Công Đoàn lần thứ 3 nhiệm kỳ 2014-2017...

Năm 2014 đánh dấu là năm đầu tiên Công ty Đông Dương hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm được giao kể từ ngày thành lập đến nay. Công tác tổ chức quản lý, quản trị trong từng lĩnh vực kinh doanh ghi nhận đã có những điều chỉnh phù hợp, chuyển biến tích cực hơn so với năm 2013. Trong đó phải kể đến việc ổn định kinh doanh taxi, cắt lỗ kinh doanh xe bồn bằng việc tái cấu trúc đội xe, gia tăng thị phần lĩnh vực cho thuê xe văn phòng, kiểm soát được những rủi ro trong kinh doanh đặc biệt là công nợ, việc làm của người lao động được đảm bảo, thu nhập được cải thiện.

Mặc dù kết quả đạt được còn rất khiêm tốn nhưng đó là sự nỗ lực của toàn thể CBCNV Công ty Đông Dương, sự quyết tâm, trách nhiệm của Ban lãnh đạo. Kết quả đạt được còn nhờ sự chỉ đạo kịp thời của Tổng Công ty PV Trans, sự quan tâm chỉ đạo sát sao của HĐQT Công ty. Trước mắt Công ty Đông Dương vẫn còn rất nhiều khó khăn thách thức, rất nhiều những việc phải làm. Tập thể Ban lãnh đạo cùng toàn thể người lao động trong Công ty tiếp tục đoàn kết

phát huy những kết quả đã đạt được và thi đua phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015.

PHẦN B

NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015

Trên cơ sở nguồn lực tài sản hiện có của Công ty cùng với các vấn đề tồn đọng đã được giải quyết từ năm trước, công tác nhân sự được kiện toàn, nguồn lực tài chính tăng, định hướng thoái vốn khỏi lĩnh vực kinh doanh taxi và bổ sung các chức năng nhiệm vụ mới sẽ là tiền đề để Công ty Đông Dương xây dựng kế hoạch SXKD năm 2015, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH

- Tổ chức quản lý, khai thác an toàn và hiệu quả các hoạt động kinh doanh vận tải. Thực hiện đúng tiến độ thoái vốn của Công ty trong lĩnh vực taxi, thương quyền toàn bộ xe taxi, đẩy mạnh tiến độ thu hồi vốn gốc xe thương quyền, hoàn tất việc chuyển đổi thương hiệu taxi. Tập trung phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ kinh doanh cho thuê xe văn phòng, đẩy mạnh công tác tiếp thị đến các khách hàng trong và ngoài ngành. Mở rộng và phát triển hoạt động kinh doanh, nỗ lực tìm kiếm khách hàng mới, nhiều tiềm năng làm nhà thầu phụ và thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ. Tăng cường marketing dịch vụ quảng cáo trên xe taxi đến các khách hàng trong và ngoài ngành... nhằm nâng cao doanh thu và lợi nhuận, đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2015.
- Thực hiện tái cấu trúc chức năng, nhiệm vụ, mô hình quản trị, tình hình tài chính của Công ty cho phù hợp với việc bổ sung chức năng vận chuyển CNG khu vực phía Bắc kể từ quý III/2015.
- Triệt để thực hành tiết kiệm, quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí trong các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. Tăng cường công tác kiểm soát nội bộ, quản lý chặt chẽ tình hình công nợ, đảm bảo không để phát sinh nợ phải thu khó đòi. Tập trung xử lý dứt điểm các tồn đọng cũ. Thực hiện và tuân thủ các quy định của Nhà nước, các nội quy, quy chế trong công tác SXKD và quản lý điều hành. Hoàn thiện các quy trình, quy chế, hệ thống định mức phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh của đơn vị.
- Tinh giản bộ máy, bổ sung nguồn nhân lực có trình độ, kinh nghiệm và nâng cao năng lực của đội ngũ CBCNV để sẵn sàng đáp ứng nhiệm vụ SXKD được giao. Xây dựng cơ chế trả lương/thưởng phù hợp với chức danh và hiệu quả công việc.
- Đảm bảo việc làm, từng bước nâng cao đời sống CBCNV, người lao động. Đảm bảo tốt chế độ chính sách đối với CBCNV trong Công ty, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động.

II. CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH KẾ HOẠCH NĂM 2015

1. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2015 (Phụ biểu chi tiết đính kèm)

DVT: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2015	Trong đó			
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
1	Doanh thu	320,00	73,00	74,02	84,49	88,49
2	Lợi nhuận trước thuế	3,50	0,10	0,41	1,40	1,59
3	Lợi nhuận sau thuế	3,50	0,10	0,41	1,40	1,59
4	Nộp ngân sách	4,17	0,99	0,99	1,08	1,11

2. Kế hoạch đầu tư năm 2015 (Phụ biểu chi tiết đính kèm)

Bên cạnh nguồn lực tài sản hiện có của Công ty, để có thể hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2015, Công ty dự kiến xây dựng kế hoạch đầu tư phương tiện như sau:

- Dự án đầu tư 07 xe văn phòng cho thuê, tổng mức đầu tư 10,62 tỷ đồng.
- Dự án đầu tư 04 xe 47 chỗ cho thuê chở CBCNV, tổng mức đầu tư 11,67 tỷ đồng.
- Dự án cung cấp dịch vụ vận chuyển CNG phía Bắc: Công ty sẽ lập Dự án đầu tư/Phương án kinh doanh trình HĐQT phê duyệt.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Sản xuất kinh doanh

a) Kinh doanh taxi

- Chủ động rà soát, ban hành quy định quản lý lái xe thương quyền để tăng cường công tác quản lý phù hợp với tình hình mới, tăng cường chế tài, đảm bảo giảm thiểu các rủi ro trong hoạt động quản lý điều hành xe thương quyền giao khoán.
- Hỗ trợ thị trường khai thác cho lái xe bằng cách đẩy mạnh công tác phát triển điểm, sảnh tại Hà Nội và Nam Định.
- Tập trung thu hồi toàn bộ giá trị xe đã thương quyền thông qua các cơ chế ưu đãi nội bộ nhằm khuyến khích lái xe nộp hết phần gốc còn lại.
- Xây dựng lộ trình chuyển đổi thương hiệu Taxi Dầu khí (thủ tục pháp lý, bước thực hiện, thời gian triển khai,...) hoàn thành mục tiêu thoái vốn theo chủ trương của Tập đoàn trong năm 2015.

b) Kinh doanh xe văn phòng cho thuê

- Tiếp tục duy trì và phát triển thị trường xe văn phòng cho các đơn vị trong ngành, tập trung vào các đơn vị PVEP, PV GAS, PVTRANS, PVFCCo, BSR,... Thường xuyên đổi mới chất lượng phương tiện, nâng cao chất lượng lái xe, đẩy mạnh công tác tiếp thị để nhắm đến các đối tác bên ngoài Tập đoàn.
- Tập trung nâng cao số lượng, chất lượng xe kinh doanh chuyển, xây dựng mối quan hệ mật thiết với lãnh đạo các đơn vị trong ngành để cung cấp toàn dịch vụ.
- Đầu tư phương tiện theo các hợp đồng định hạn ký mới và lộ trình đổi mới phương tiện, đảm bảo hiệu quả đầu tư, giảm thiểu rủi ro các phát sinh sau đầu tư.
- Hoàn thiện chất lượng dịch vụ theo hướng chuyên nghiệp: Xây dựng đơn giá cạnh tranh, hoàn thiện chất lượng dịch vụ xe văn phòng cho thuê trong cách thức quản lý, điều vận phương tiện và đặc biệt là tác phong phục vụ của lái xe.

c) Kinh doanh LPG

- Đẩy mạnh công tác marketing, xây dựng các cơ chế chiết khấu/hoa hồng cho khách hàng đảm bảo quyền và lợi ích các bên.
- Phát huy công tác dự báo thị trường để tìm kiếm các cơ hội kinh doanh.
- Tăng cường các biện pháp kiểm soát công tác bán hàng, kiểm soát công nợ, không để xảy ra rủi ro về vốn.
- Tăng cường các mối quan hệ với các nhà cung cấp như KDK, GasNorth, GasSouth nhằm tối đa hóa sự hỗ trợ của các đơn vị này về thông tin thị trường và điều phối nguồn hàng.

d) Kinh doanh vận chuyển xe bồn

- Duy trì và phát triển các khách hàng tiềm năng vận chuyển LPG đảm bảo việc làm cho đội xe bồn; Thỏa thuận với Hiệp hội vận tải và đàm phán với các khách hàng tăng giá cước vận chuyển để nâng cao hiệu quả khai thác đội xe trong năm 2015.

02
ĐI
CỔ
TÁ
NG
IA

- Xúc tiến đàm phán, thỏa thuận, chào giá tới khách hàng GasNorth, GasD làm cơ sở chuẩn bị nguồn lực về con người và phương tiện kịp thời cung ứng dịch vụ bao tiêu vận chuyển CNG ở khu vực phía Bắc kể từ quý III/2015.

- Phối hợp với khách hàng trong kiểm soát công tác phòng chống cháy nổ, hạn chế tối đa các rủi ro phát sinh trong quá trình vận chuyển hàng hóa.

e) Dịch vụ khác

- Tăng cường marketing dịch vụ quảng cáo trên xe taxi đến các khách hàng trong và ngoài ngành nâng cao doanh thu và lợi nhuận, đảm bảo hoàn thành kế hoạch 2015.

- Bám sát tiến độ của Nhà máy nhiệt điện Thái Bình thu thập, nắm bắt thông tin về vận tải than để kịp thời mở rộng lĩnh vực vận tải của Công ty năm 2016.

- Thành lập tổ dự án đầu tư nghiên cứu cung cấp các sản phẩm dịch vụ cho các đối tác.

2. Công tác quản lý, tổ chức

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý, điều hành bằng cách: Khắc phục và giải quyết dứt điểm những tồn tại, yếu kém, kiện toàn hệ thống giám sát nội bộ; Phát huy và nâng cao tính tự chủ, độc lập, thống nhất sức mạnh toàn Công ty; Phân cấp mạnh kèm theo quyền hạn và trách nhiệm rõ ràng; Tổ chức đánh giá cán bộ làm cơ sở phục vụ công tác quản lý, bổ nhiệm/đề bạt cán bộ. Đổi mới công tác tổ chức quản lý nhân sự tập trung ở các khâu tuyển dụng, đào tạo, đào tạo lại để nâng cao năng lực đội ngũ CBCNV sẵn sàng đáp ứng nhiệm vụ SXKD được giao.

- Thực hiện và tuân thủ các quy định của Nhà nước, các nội quy, quy chế trong công tác quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh; Rà soát, bổ sung hoàn thiện và xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật, hệ thống các quy trình, quy chế góp phần tiết kiệm chi phí. Duy trì và phát huy hiệu quả của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

- Tạo môi trường làm việc thân thiện, hiện đại. Xây dựng tinh thần đoàn kết, tác phong công nghiệp, tinh thần kỷ luật cao trong toàn thể đội ngũ CBCNV; Xây dựng cơ chế trả lương/thưởng phù hợp với chức danh và hiệu quả công việc, coi trọng trình độ chuyên môn, kỷ luật cao

- Phát động các phong trào thi đua lao động sản xuất trong đó vai trò của các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội được chú trọng và phát huy; xây dựng điển hình tiên tiến trong Công ty, đưa thi đua trở thành thường xuyên, thiết thực thu hút và khuyến khích toàn thể CBCNV tham gia cống hiến trí tuệ, sức lực xây dựng Công ty ngày một phát triển và bền vững.

3. Công tác đầu tư và quản lý tài chính

- Nghiên cứu, đánh giá chính xác nhu cầu thị trường để lựa chọn thời điểm đầu tư thích hợp đảm bảo hiệu quả đầu tư và an toàn về vốn .

- Tìm kiếm cơ hội hợp tác cùng góp vốn đầu tư khai thác kinh doanh, lựa chọn cơ cấu đầu tư hợp lý giữa vốn tự có và vốn vay thích hợp nhằm đảm bảo các chỉ số tài chính hợp nhất của doanh nghiệp trong dài hạn luôn đạt mức cân bằng theo các chuẩn mực tín dụng.

- Tổ chức giám sát chặt chẽ trong việc triển khai và thực hiện dự án đầu tư đảm bảo tiến độ, chất lượng cung cấp dịch vụ.

- Tiếp tục chấn chỉnh và hoàn thiện hệ thống quản trị tài chính kế toán trong toàn Công ty. Chủ động sắp xếp, đảm bảo an toàn nguồn vốn, duy trì dòng tiền hoạt động đáp ứng nhu cầu kinh doanh trong từng giai đoạn.

- Tập trung đôn đốc xử lý, giải quyết các vấn đề tồn đọng như nợ khó đòi, tài sản thiếu chờ xử lý...

- Tìm kiếm, thu xếp trả nợ một phần nguồn vay ủy thác của Tập đoàn thông qua việc tăng cường quản lý công nợ tránh bị chiếm dụng vốn và nâng cao hiệu quả quản lý dòng tiền.

KẾT QUẢ SXKD TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2014

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5/4)
I	Doanh thu	Tỷ đồng	440,17	452,10	103%
1	Từ dịch vụ vận tải	Tỷ đồng	84,20	79,57	94%
1.1	Dịch vụ vận tải taxi	"	61,80	61,75	100%
1.2	Dịch vụ xe VP cho thuê	"	10,80	10,37	96%
1.3	Dịch vụ xe bồn vận chuyển xăng	"	1,17	0,50	43%
1.4	Dịch vụ xe bồn vận chuyển LPG	"	10,43	6,95	67%
2	Từ dịch vụ thương mại	Tỷ đồng	354,45	367,34	104%
2.1	Kinh doanh xăng dầu	"	69,00	5,95	9%
2.2	Kinh doanh LPG	"	281,08	356,99	127%
2.3	Dịch vụ quảng cáo	"	4,37	4,41	101%
3	Từ dịch vụ khác	"	-	0,02	
4	Từ hoạt động tài chính	"	1,52	2,78	182%
5	Thu nhập khác	"	-	2,78	
6	Các khoản giảm trừ doanh thu	"	-	0,39	
II	Chi phí	Tỷ đồng	438,74	450,70	
1	Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	423,77	433,98	
1.1	Dịch vụ vận tải	"	80,72	77,35	
	Dịch vụ vận tải taxi	"	61,33	59,51	
	Dịch vụ xe VP cho thuê	"	7,83	9,35	
	Dịch vụ xe bồn vận chuyển xăng	"	1,18	0,48	
	Dịch vụ xe bồn vận chuyển LPG	"	10,39	8,01	
1.2	Dịch vụ thương mại	Tỷ đồng	343,05	356,62	
	Kinh doanh xăng dầu	"	68,56	5,80	
	Kinh doanh LPG	"	273,79	350,26	
	Dịch vụ quảng cáo	"	0,69	0,56	
2	Dịch vụ khác	"	-	0,01	
3	Chi phí hoạt động tài chính	"	1,20	1,52	
4	Chi phí bán hàng	"	0,93	0,48	
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	"	12,84	12,63	
6	Chi phí hoạt động khác	"	-	2,09	
III	Lợi nhuận		1,43	1,40	98%
1	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1,43	1,40	
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1,43	1,40	
IV	Nộp NSNN	Tỷ đồng	2,92	4,70	161%

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015				
		Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
I	Tổng doanh thu	320.000	73.000	74.020	84.494	88.486
1	Từ dịch vụ vận tải	103.728	20.335	21.194	30.897	31.303
1.1	Vận tải taxi	63.300	15.825	15.825	15.825	15.825
1.2	Vận tải xe bồn CNG	19.406	-	-	9.703	9.703
1.3	Vận tải xe bồn LPG	6.719	1.680	1.680	1.680	1.680
1.4	Vận tải xe văn phòng	14.303	2.830	3.689	3.689	4.095
2	Từ dịch vụ thương mại	214.102	52.177	52.297	53.014	56.614
2.1	Kinh doanh LPG	108.621	26.916	27.036	27.215	27.454
2.2	DV quảng cáo	3.196	261	261	799	1.875
2.3	Thương mại khác	102.285	25.000	25.000	25.000	27.285
3	Dịch vụ khác	-	-	-	-	-
4	Từ hoạt động tài chính	2.170	488	529	584	570
5	Từ thu nhập khác	-	-	-	-	-
II	Tổng chi phí	316.500	72.899	73.613	83.093	86.895
1	Giá vốn hàng bán	299.760	69.172	69.613	78.773	82.202
1.1	Dịch vụ vận tải	93.830	18.590	18.920	27.790	28.530
	Vận tải taxi	58.918	14.612	14.547	14.831	14.928
	Vận tải xe bồn CNG	17.703	-	-	8.587	9.117
	Vận tải xe bồn LPG	6.543	1.636	1.636	1.636	1.636
	Vận tải xe văn phòng	10.666	2.342	2.737	2.737	2.850
1.2	Dịch vụ thương mại	205.930	50.582	50.693	50.983	53.672
	Kinh doanh LPG	102.992	25.513	25.631	25.807	26.041
	DV quảng cáo	709	78	78	177	376
	Thương mại khác	102.229	24.991	24.984	24.999	27.255
2	Chi phí hoạt động tài chính	1.900	207	400	610	683
3	Chi phí bán hàng	4.560	1.140	1.140	1.140	1.140
4	Chi phí quản lý	10.280	2.380	2.460	2.570	2.870
5	Chi phí hoạt động khác	-	-	-	-	-
III	Lợi nhuận trước thuế	3.500	101	407	1.401	1.591
IV	Lợi nhuận sau thuế	3.500	101	407	1.401	1.591
V	Các khoản phải nộp NSNN	4.170	990	990	1.080	1.110

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ NĂM 2015

STT	Tên dự án	ĐVT	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch năm 2015		
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
				Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác		Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác
	Tổng cộng		22,44	15,01	7,43	22,44	15,01	7,43
I	Dự án nhóm A	Tỷ đồng						
II	Dự án nhóm B	Tỷ đồng	-	-	-	-	-	-
	<i>Dự án cung cấp dịch vụ vận chuyển CNG bằng đường bộ</i>	Tỷ đồng	<i>Công ty sẽ lập Dự án đầu tư/Phương án kinh doanh trình HĐQT phê duyệt</i>					
III	Dự án nhóm C	Tỷ đồng	22,29	14,86	7,43	22,29	14,86	7,43
1	Dự án khởi công mới	Tỷ đồng	10,62	10,62	-	10,62	10,62	-
1.1	Đầu tư xe văn phòng để kinh doanh cho thuê	Tỷ đồng	10,62	10,62	-	10,62	10,62	-
2	Dự án khởi công mới	Tỷ đồng	11,67	4,24	7,43	11,67	4,24	7,43
2.1	Đầu tư xe đưa đón CBNV Công ty BSR	Tỷ đồng	11,67	4,24	7,43	11,67	4,24	7,43
IV	Mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	0,15	0,15	-	0,15	0,15	-

TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHỤ LỤC 04:
(Đính kèm Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/NQ-VTDKDD-ĐHĐCD ngày 20/4/2015)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
BỞI CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
ĐÔNG DƯƠNG**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**



Số: 781 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16 tháng 3 năm 2015, từ trang 03 đến trang 22, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Đức Nguyễn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 16 tháng 3 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Quỳnh Hoa
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0910-2013-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

2735
G TY
PHẦN
DẦU
DƯỚI
Y - TP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		144.775.529.430	134.432.254.467
(100=110+120+130+140+150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	48.779.568.961	31.030.622.426
1. Tiền	111		6.099.568.961	15.730.622.426
2. Các khoản tương đương tiền	112		42.680.000.000	15.300.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	6.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	6.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		86.687.992.594	90.460.260.240
1. Phải thu khách hàng	131		87.553.790.923	88.742.346.999
2. Trả trước cho người bán	132		319.551.480	404.338.140
3. Các khoản phải thu khác	135		2.540.459.923	2.086.752.733
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.725.809.732)	(773.177.632)
IV. Hàng tồn kho	140	6	2.639.059.601	2.040.294.795
1. Hàng tồn kho	141		2.794.031.577	2.040.294.795
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(154.971.976)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.668.908.274	4.901.077.006
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.359.167.439	1.684.928.141
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	1.646.835
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	5.309.740.835	3.214.502.030
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		83.803.252.947	97.463.245.744
(200 = 220+260)				
I. Tài sản cố định	220		81.760.376.950	93.717.002.045
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	81.753.390.290	93.676.305.381
- Nguyên giá	222		186.359.998.661	183.403.418.011
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(104.606.608.371)	(89.727.112.630)
2. Tài sản cố định vô hình	227		6.986.660	40.696.664
- Nguyên giá	228		92.920.000	92.920.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(85.933.340)	(52.223.336)
II. Tài sản dài hạn khác	260		2.042.875.997	3.746.243.699
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	1.748.388.497	3.463.756.199
2. Tài sản dài hạn khác	268		294.487.500	282.487.500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		228.578.782.377	231.895.500.211



Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		134.919.050.493	139.637.045.169
I. Nợ ngắn hạn	310		113.830.919.405	119.666.396.036
1. Vay ngắn hạn	311	10	29.060.538.045	47.070.538.045
2. Phải trả người bán	312		80.850.140.126	70.458.181.750
3. Người mua trả tiền trước	313		28.186.649	41.892.118
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	493.967.317	415.256.564
5. Phải trả người lao động	315		2.170.899.604	380.238.959
6. Chi phí phải trả	316		437.783.541	283.110.190
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		789.404.123	1.017.178.410
II. Nợ dài hạn	330		21.088.131.088	19.970.649.133
1. Phải trả dài hạn khác	333	12	20.222.821.996	18.801.599.333
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		865.309.092	1.169.049.800
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		93.659.731.884	92.258.455.042
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	93.659.731.884	92.258.455.042
1. Vốn điều lệ	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Lỗ lũy kế	420		(6.340.268.116)	(7.741.544.958)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		228.578.782.377	231.895.500.211

Đặng Tiến Dũng
Người lập biểu

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

Doãn Văn Chiến
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Huy
Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	14	446.934.898.727	570.863.404.299
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	14	389.418.250	386.724.030
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	14	446.545.480.477	570.476.680.269
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	15	433.983.412.831	563.915.333.862
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		12.562.067.646	6.561.346.407
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.778.774.378	2.368.841.451
7. Chi phí tài chính	22		1.518.784.515	2.526.953.781
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.518.784.515	2.223.280.295
8. Chi phí bán hàng	24		478.438.945	276.535.799
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.627.821.916	8.993.736.285
10. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		715.796.648	(2.867.038.007)
11. Thu nhập khác	31		2.780.389.287	5.567.111.125
12. Chi phí khác	32		2.094.909.093	2.444.807.562
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		685.480.194	3.122.303.563
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.401.276.842	255.265.556
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	17	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		1.401.276.842	255.265.556
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	18	140	26

Đặng Tiến Dũng
Người lập biểu

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

Đoàn Văn Chiến
Kế toán trưởng




Nguyễn Quang Huy
Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

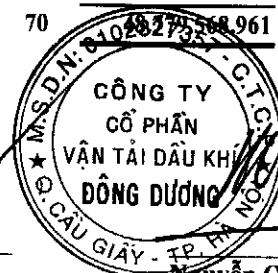
MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.401.276.842	255.265.556
2. Điều chỉnh cho các khoản:		20.047.821.881	17.526.865.514
Khấu hao tài sản cố định	02	18.435.189.770	18.718.114.386
Các khoản dự phòng	03	3.107.604.076	367.396.075
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.013.756.480)	(3.781.925.242)
Chi phí lãi vay	06	1.518.784.515	2.223.280.295
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	21.449.098.723	17.782.131.070
Thay đổi các khoản phải thu	09	(996.082.651)	(47.900.945.601)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(753.736.782)	537.681.351
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả)	11	11.890.178.466	28.334.886.695
Thay đổi chi phí trả trước	12	2.041.128.404	3.815.296.798
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.538.180.320)	(2.384.763.391)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.270.170.430	15.879.011.208
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.860.947.767)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	33.501.628.503	16.063.298.130
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21	(8.523.100.182)	(1.253.872.727)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản dài hạn	22	2.103.401.614	3.654.318.183
3. Gửi tiền có kỳ hạn	25	-	(6.000.000.000)
4. Thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	26	6.000.000.000	4.300.000.000
5. Thu lãi tiền gửi	27	2.677.016.600	2.105.806.961
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.257.318.032	2.806.252.417
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	70.096.105.299	63.387.877.334
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(88.106.105.299)	(89.332.267.489)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(18.010.000.000)	(25.944.390.155)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	17.748.946.535	(7.074.839.608)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	31.030.622.426	38.105.462.034
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	48.787.568.961	31.030.622.426


Đặng Tiến Dũng
Người lập biểu


Doãn Văn Chiến
Kế toán trưởng


Nguyễn Quang Huy
Giám đốc



Ngày 16 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018667 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 7 năm 2007 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 278 (31 tháng 12 năm 2013: 293).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vận tải bằng ô tô; buôn bán xăng, dầu khí hóa lỏng; kinh doanh hạt nhựa, kinh doanh các ngành gas, bao gồm chế tạo sửa chữa bình gas, chuyển đổi phương tiện vận tải sang khí hóa lỏng; sửa xe bảo dưỡng xe, lắp đặt phụ tùng phương tiện vận tải; kinh doanh bất động sản; dịch vụ quảng cáo thương mại, bán phụ tùng, thiết bị máy móc dân dụng và công nghiệp; đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa, xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

32736

NG T
PHÂN
AI DẦU
G DƯỚI

Y - TP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho (Tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2014
	Số năm
Máy móc và thiết bị	4 - 5
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Phương tiện vận tải	6 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa và bảo dưỡng các phương tiện vận chuyển và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích theo ước tính của Ban Giám đốc Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

27357
CÔNG TY
CỔ PHẦN
VẬN TẢI
DẦU KHÍ
ĐÔNG DƯƠNG
Y - TP.

125
CÔNG
THIỆM
017
T N.
- T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 6.340.268.116 VND, khoản lỗ này sẽ được xác định phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế và có thể được dùng để bù trừ với các khoản lợi nhuận chịu thuế của các năm tiếp theo nhưng không quá 05 năm kể từ năm phát sinh. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản lỗ này do không chắc chắn về thời điểm thu được lợi nhuận trong tương lai.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	405.770.200	83.324.136
Tiền gửi ngân hàng	5.693.798.761	15.647.298.290
Các khoản tương đương tiền (*)	42.680.000.000	15.300.000.000
	48.779.568.961	31.030.622.426

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Nguyên vật liệu	1.236.037.873	1.257.981.937
Công cụ, dụng cụ	5.625.000	129.206.742
Hàng hoá	1.552.368.704	653.106.116
Cộng	2.794.031.577	2.040.294.795
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(154.971.976)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	2.639.059.601	2.040.294.795

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	2.437.922.653	2.537.683.848
Tài sản thiếu chờ xử lý	671.818.182	671.818.182
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.200.000.000	5.000.000
	5.309.740.835	3.214.502.030

2735
G TY
HÃN
ĐẦU K
DƯƠNG
TP. V

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	3.827.988.941	179.467.187.706	108.241.364	183.403.418.011
Tăng trong năm	-	8.523.100.182	-	8.523.100.182
Thanh lý	-	(5.529.519.532)	(37.000.000)	(5.566.519.532)
Tại ngày 31/12/2014	3.827.988.941	182.460.768.356	71.241.364	186.359.998.661
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	2.363.934.455	87.292.326.945	70.851.230	89.727.112.630
Khấu hao trong năm	437.923.152	17.944.842.034	18.714.580	18.401.479.766
Thanh lý	-	(3.491.130.129)	(30.853.896)	(3.521.984.025)
Tại ngày 31/12/2014	2.801.857.607	101.746.038.850	58.711.914	104.606.608.371
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2014	1.026.131.334	80.714.729.506	12.529.450	81.753.390.290
Tại ngày 31/12/2013	1.464.054.486	92.174.860.761	37.390.134	93.676.305.381

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã thế chấp một số phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 60.956.947.420 VND (31 tháng 12 năm 2013: 76.453.833.948 VND) để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (xem chi tiết tại Thuyết minh số 10).

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 908.846.307 VND (năm 2013: 392.006.307 VND).

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2014	2013
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	3.463.756.199	5.803.745.421
Tăng	1.541.315.819	5.550.115.626
Phân bổ vào chi phí trong năm	(3.256.683.521)	(7.890.104.848)
Tại ngày 31 tháng 12	1.748.388.497	3.463.756.199

10. VAY NGẮN HẠN

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam, nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCombank) theo Hợp đồng vay số 36/PV-Petrotrans/TXV/08 ngày 18 tháng 6 năm 2008 với hạn mức tín dụng là 111.000.000.000 VND để mua sắm phương tiện vận tải phục vụ cho kinh doanh vận tải. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị của một số phương tiện vận tải của Công ty (xem Thuyết minh số 8) và chịu lãi suất là 6,8%/năm. Thời hạn của hợp đồng vay này là 01 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên và được gia hạn thêm 01 năm, đáo hạn vào ngày 18 tháng 6 năm 2013 với mức lãi suất được hỗ trợ trong giai đoạn này là 3,1%/năm. Tính đến ngày lập báo cáo tài chính này, khoản vay này chưa được gia hạn, Công ty đang ghi nhận chi phí lãi vay theo Công văn số 10219/PVB-TTGDHO ngày 25 tháng 9 năm 2014 và theo các bảng kê tính lãi, thông báo lãi của PVCombank.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Phải nộp tại ngày 01/01/2014 VND	Số phải nộp và những điều chỉnh VND	Số đã nộp VND	Phải nộp tại ngày 01/01/2014 VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	267.109.807	4.556.172.682	4.398.392.170	424.890.319
Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.535.982	(1.535.982)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	67.754.460	(67.754.460)	-	-
Thuế TNCN	78.856.315	209.194.526	218.973.843	69.076.998
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Tổng cộng	415.256.564	4.699.076.766	4.620.366.013	493.967.317

12. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Số dư phải trả dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 chủ yếu phản ánh khoản tiền nhận đặt cọc của lái xe taxi.

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	(Lỗ lũy kế) VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	100.000.000.000	(7.996.810.514)	92.003.189.486
Lợi nhuận trong năm	-	255.265.556	255.265.556
Số dư tại ngày 01/01/2014	100.000.000.000	(7.741.544.958)	92.258.455.042
Lợi nhuận trong năm	-	1.401.276.842	1.401.276.842
Số dư tại ngày 31/12/2014	100.000.000.000	(6.340.268.116)	93.659.731.884

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ và vốn đầu tư của Công ty đều là 100.000.000.000 VND. Công ty chỉ phát hành cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

	31/12/2014	31/12/2013
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại ngày	
	VND	%	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	38.670.000.000	38,67%	38.670.000.000	38.670.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	10.002.000.000	10,00%	10.002.000.000	10.002.000.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	10.000.000.000	10,00%	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn cầu	10.000.000.000	10,00%	10.000.000.000	10.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	10.000.000.000	10,00%	10.000.000.000	10.000.000.000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	10.000.000.000	10,00%	10.000.000.000	10.000.000.000
Các cổ đông khác	11.328.000.000	11,33%	11.328.000.000	11.328.000.000
	100.000.000.000	100%	100.000.000.000	100.000.000.000

14. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2014 VND	2013 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	446.934.898.727	570.863.404.299
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	362.936.586.885	483.534.602.428
Doanh thu cung cấp dịch vụ	83.998.311.842	87.328.801.871
Các khoản giảm trừ doanh thu	(389.418.250)	(386.724.030)
Chiết khấu thương mại	(389.418.250)	(386.724.030)
	446.545.480.477	570.476.680.269

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ ĐÃ CUNG CẤP

	2014 VND	2013 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	371.070.268.444	475.253.009.560
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	62.913.144.387	88.662.324.302
	433.983.412.831	563.915.333.862

16. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.103.523.836	38.401.471.723
Chi phí nhân công	23.757.044.034	11.395.081.329
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.435.189.770	18.718.114.386
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.345.302.038	28.957.727.992
Chi phí khác	6.784.719.726	4.311.268.789
	88.425.779.404	101.783.664.219

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2014	2013
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	1.401.276.842	255.265.556
Trừ: Lỗ năm trước mang sang	1.401.276.842	255.265.556
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất áp dụng	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty không tính thuế thu nhập doanh nghiệp do trong năm 2014 Công ty không có thu nhập chịu thuế.

18. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2014	2013
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.401.276.842	255.265.556
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	140	26

19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 10 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp trừ lỗ lũy kế).

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản vay	29.060.538.045	47.070.538.045
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	48.779.568.961	31.030.622.426
Nợ thuần	-	16.039.915.619
Vốn chủ sở hữu	93.659.731.884	92.258.455.042
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	0,17

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.779.568.961	31.030.622.426
Phải thu khách hàng và phải thu khác	86.368.441.114	90.055.922.100
Đầu tư ngắn hạn	-	6.000.000.000
Tổng cộng	135.148.010.075	127.086.544.526
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	29.060.538.045	47.070.538.045
Phải trả người bán và phải trả khác	81.579.656.116	71.371.873.210
Chi phí phải trả	437.783.541	283.110.190
Tổng cộng	111.077.977.702	118.725.521.445

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.



112
113
114
115
116
117
118
119
120
121
122
123
124
125
126
127
128
129
130
131
132
133
134
135
136
137
138
139
140
141
142
143
144
145
146
147
148
149
150
151
152
153
154
155
156
157
158
159
160
161
162
163
164
165
166
167
168
169
170
171
172
173
174
175
176
177
178
179
180
181
182
183
184
185
186
187
188
189
190
191
192
193
194
195
196
197
198
199
200
201
202
203
204
205
206
207
208
209
210
211
212
213
214
215
216
217
218
219
220
221
222
223
224
225
226
227
228
229
230
231
232
233
234
235
236
237
238
239
240
241
242
243
244
245
246
247
248
249
250
251
252
253
254
255
256
257
258
259
260
261
262
263
264
265
266
267
268
269
270
271
272
273
274
275
276
277
278
279
280
281
282
283
284
285
286
287
288
289
290
291
292
293
294
295
296
297
298
299
300
301
302
303
304
305
306
307
308
309
310
311
312
313
314
315
316
317
318
319
320
321
322
323
324
325
326
327
328
329
330
331
332
333
334
335
336
337
338
339
340
341
342
343
344
345
346
347
348
349
350
351
352
353
354
355
356
357
358
359
360
361
362
363
364
365
366
367
368
369
370
371
372
373
374
375
376
377
378
379
380
381
382
383
384
385
386
387
388
389
390
391
392
393
394
395
396
397
398
399
400
401
402
403
404
405
406
407
408
409
410
411
412
413
414
415
416
417
418
419
420
421
422
423
424
425
426
427
428
429
430
431
432
433
434
435
436
437
438
439
440
441
442
443
444
445
446
447
448
449
450
451
452
453
454
455
456
457
458
459
460
461
462
463
464
465
466
467
468
469
470
471
472
473
474
475
476
477
478
479
480
481
482
483
484
485
486
487
488
489
490
491
492
493
494
495
496
497
498
499
500
501
502
503
504
505
506
507
508
509
510
511
512
513
514
515
516
517
518
519
520
521
522
523
524
525
526
527
528
529
530
531
532
533
534
535
536
537
538
539
540
541
542
543
544
545
546
547
548
549
550
551
552
553
554
555
556
557
558
559
560
561
562
563
564
565
566
567
568
569
570
571
572
573
574
575
576
577
578
579
580
581
582
583
584
585
586
587
588
589
590
591
592
593
594
595
596
597
598
599
600
601
602
603
604
605
606
607
608
609
610
611
612
613
614
615
616
617
618
619
620
621
622
623
624
625
626
627
628
629
630
631
632
633
634
635
636
637
638
639
640
641
642
643
644
645
646
647
648
649
650
651
652
653
654
655
656
657
658
659
660
661
662
663
664
665
666
667
668
669
670
671
672
673
674
675
676
677
678
679
680
681
682
683
684
685
686
687
688
689
690
691
692
693
694
695
696
697
698
699
700
701
702
703
704
705
706
707
708
709
710
711
712
713
714
715
716
717
718
719
720
721
722
723
724
725
726
727
728
729
730
731
732
733
734
735
736
737
738
739
740
741
742
743
744
745
746
747
748
749
750
751
752
753
754
755
756
757
758
759
760
761
762
763
764
765
766
767
768
769
770
771
772
773
774
775
776
777
778
779
780
781
782
783
784
785
786
787
788
789
790
791
792
793
794
795
796
797
798
799
800
801
802
803
804
805
806
807
808
809
810
811
812
813
814
815
816
817
818
819
820
821
822
823
824
825
826
827
828
829
830
831
832
833
834
835
836
837
838
839
840
841
842
843
844
845
846
847
848
849
850
851
852
853
854
855
856
857
858
859
860
861
862
863
864
865
866
867
868
869
870
871
872
873
874
875
876
877
878
879
880
881
882
883
884
885
886
887
888
889
890
891
892
893
894
895
896
897
898
899
900
901
902
903
904
905
906
907
908
909
910
911
912
913
914
915
916
917
918
919
920
921
922
923
924
925
926
927
928
929
930
931
932
933
934
935
936
937
938
939
940
941
942
943
944
945
946
947
948
949
950
951
952
953
954
955
956
957
958
959
960
961
962
963
964
965
966
967
968
969
970
971
972
973
974
975
976
977
978
979
980
981
982
983
984
985
986
987
988
989
990
991
992
993
994
995
996
997
998
999
1000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

27357
CÔNG TY
CỔ PHẦN
VẬN TẢI DẦU KHÍ
ĐÔNG DƯƠNG
TP. HÀ NỘI

11/01/2015
11/01/2015
11/01/2015
11/01/2015
11/01/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Tầng 14, tòa nhà Việt Á, Duy Tân

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

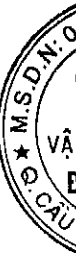
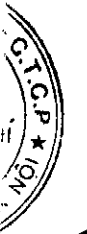
Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.779.568.961	-	48.779.568.961
Phải thu khách hàng và phải thu khác	86.368.441.114	-	86.368.441.114
Tổng cộng	135.148.010.075	-	135.148.010.075
31/12/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	81.579.656.116	-	81.579.656.116
Chi phí phải trả	437.783.541	-	437.783.541
Các khoản vay	29.060.538.045	-	29.060.538.045
Tổng cộng	111.077.977.702	-	111.077.977.702
Chênh lệch thanh khoản thuần	24.070.032.373	-	24.070.032.373
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.030.622.426	-	31.030.622.426
Phải thu khách hàng và phải thu khác	90.055.922.100	-	90.055.922.100
Đầu tư ngắn hạn	6.000.000.000	-	6.000.000.000
Tổng cộng	127.086.544.526	-	127.086.544.526
31/12/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	71.371.873.210	-	71.371.873.210
Chi phí phải trả	283.110.190	-	283.110.190
Các khoản vay	47.070.538.045	-	47.070.538.045
Tổng cộng	118.725.521.445	-	118.725.521.445
Chênh lệch thanh khoản thuần	8.361.023.081	-	8.361.023.081

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



Y
E
W
A
N

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	2.488.420.825	4.329.509.563

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.666.685.838	4.415.037.882
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.438.327.273	2.026.863.401
	4.105.013.111	6.441.901.283

Các khoản thuê hoạt động thể hiện các khoản thuê văn phòng, thuê bãi đỗ xe, thuê xe, thuê mặt bằng của Công ty.

21. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan chủ yếu:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Công ty mẹ
2	Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	Cùng Tổng Công ty
3	Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cừ Long	Cùng Tổng Công ty
4	Tổng Công ty Khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn Dầu khí
5	Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	Cùng Tập đoàn Dầu khí
6	Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - CTCP	Cùng Tập đoàn Dầu khí
7	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	Cùng Tập đoàn Dầu khí
8	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh	Cùng Tập đoàn Dầu khí
9	Ban Quản lý Dự án Xây dựng Trường Đại học Dầu khí	Cùng Tập đoàn Dầu khí
10	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	Cùng Tập đoàn Dầu khí
11	Công ty TNHH Điều hành thăm dò khai thác Dầu khí PVEP Trung Á	Cùng Tập đoàn Dầu khí
12	Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Hà Nội	Cùng Tập đoàn Dầu khí
13	Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	Cùng Tập đoàn Dầu khí
14	Công ty Cổ phần Quản lý & Phát triển Nhà Dầu khí Miền Nam	Cùng Tập đoàn Dầu khí
15	Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn	Cùng Tập đoàn Dầu khí
16	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOil Miền Bắc	Cùng Tập đoàn Dầu khí
17	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	Cùng Tập đoàn Dầu khí
18	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	Cùng Tập đoàn Dầu khí
19	Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	Cùng Tập đoàn Dầu khí
20	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOil tại Hải Phòng	Cùng Tập đoàn Dầu khí
21	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	Cùng Tập đoàn Dầu khí
22	Công ty TNHH MTV Khí hoá lỏng Việt Nam	Cùng Tập đoàn Dầu khí
23	Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hoá lỏng Nam Định	Cùng Tập đoàn Dầu khí
24	Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	Cùng Tập đoàn Dầu khí
25	Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	Cùng Tập đoàn Dầu khí
26	Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	Cùng Tập đoàn Dầu khí

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNGTầng 14, tòa nhà Việt Á, Duy Tân
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	2014	2013
	VND	VND
Doanh thu		
Công ty TNHH MTV Khí hoá lỏng Việt Nam	130.148.522.956	-
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	79.200.629.877	103.578.406.647
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long	7.586.529.646	7.913.346.808
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	4.096.302.749	5.171.746.078
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	3.942.855.605	1.554.738.631
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	2.783.751.500	5.121.975.380
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Hà Nội	2.585.650.668	3.286.843.593
Tổng Công ty Khí Việt Nam	1.678.444.490	765.390.900
Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn	1.587.000.035	926.472.635
Công ty Cổ phần Quản lý & Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	821.160.723	424.487.600
Công ty TNHH Điều hành thăm dò khai thác Dầu khí PVEP Trung Á	758.673.910	468.495.955
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	731.118.110	-
Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí	651.869.100	555.526.650
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	551.002.350	455.798.585
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh	50.857.400	312.709.675
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Nam Định	4.533.001	366.095.618
Ban Quản lý Dự án Xây dựng Trường Đại học Dầu khí	-	570.924.088
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	-	1.630.761.107
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil Miền Bắc	-	308.881.454
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	-	-
Mua hàng		
Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	158.912.952.581	246.282.261.325
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	61.612.244.558	34.690.653.453
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	4.493.596.773	268.361.418
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	1.766.889.200	1.196.168.490
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	1.212.930.499	1.134.895.755
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	75.268.715	348.673.063
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil Miền Bắc	63.600.000	811.562.269
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil tại Hải Phòng	-	4.812.675.660
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh	-	3.701.483.306
Lãi vay		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.494.994.078	2.223.280.295

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2014	2013
	VND	VND
Tiền lương, thưởng và các khoản phúc lợi	891.020.604	995.947.885



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Tầng 14, tòa nhà Việt Á, Duy Tân

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu		
Công ty TNHH MTV Khí hoá lỏng Việt Nam	65.728.688.185	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long	856.807.837	1.395.143.523
Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	751.080.198	-
Công ty TNHH MTV Lọc hoá Dầu Bình Sơn	612.747.465	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hoá lỏng Hà Nội	242.434.767	-
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	197.272.728	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam	133.068.078	459.360.000
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	111.335.840	-
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	102.300.000	3.021.940.100
Công ty Cổ phần Quản lý & Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	100.723.435	-
Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí	87.853.868	-
Công ty TNHH Điều hành thăm dò khai thác Dầu khí PVEP Trung Á	56.673.600	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	17.000.000	118.421.250
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	-	43.251.124.548
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	-	927.058.798
Phải trả		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	65.709.577.741	-
Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	10.176.496.547	39.918.954.806
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	2.652.948.167	25.321.162.596
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long	642.475.400	478.271.200
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOil tại Hải Phòng	128.355.630	478.726.190
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	89.608.702	206.422.300
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	10.686.500	29.951.500
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOil Miền Bắc	-	63.070.399
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	-	383.540.370
Các khoản vay		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	29.060.538.045	47.070.538.045



Đặng Tiến Dũng
Người lập biểu



Đoàn Văn Chiến
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Huy
Giám đốc



Ngày 16 tháng 3 năm 2015

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHỤ LỤC 05:

(Đính kèm Nghị quyết Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCD ngày 20/4/2015)

BÁO CÁO
THỰC HIỆN CHI TRẢ THÙ LAO NĂM 2014 VÀ KẾ HOẠCH THÙ LAO NĂM 2015
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY.



BÁO CÁO

I. Báo cáo thực hiện thủ lao HĐQT và BKS năm 2014:

1. Kế hoạch Thù lao HĐQT và BKS năm 2014 đã được phê duyệt: 174.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi tư triệu đồng).

Tổng công năm 2014: 174.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi tư triệu đồng).

II. Kế hoạch thù lao HĐQT và BKS năm 2015:

1. Đối với các chức danh Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm, Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm, Trưởng ban kiểm soát kiêm nhiệm và Thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm:

357 - C.T.C.P. ★
H. HA NOI

TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHỤ LỤC 06:

(Đính kèm Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015

Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCD ngày 20/4/2015)

THỎA THUẬN KHUNG KÝ GIỮA TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
VÀ CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỎA THUẬN KHUNG

- Căn cứ theo Nghị quyết số 18/VTDK-NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí ngày 02/3/2015 về việc Thông qua các nội dung của Thỏa thuận khung ký kết giữa Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí và các Đơn vị thuộc Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí;
- Căn cứ theo Nghị quyết sốcủa Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần CP Vận tải Dầu khí Đông Dương;

Thỏa thuận khung này được lập và ký kết tạivào ngàytháng.....năm 2015,

GIỮA

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, phường ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0302743192, đăng ký lần đầu ngày 07/5/2007, đăng ký thay đổi lần 11 ngày 02/10/2014.

Điện thoại: 84-8-39111301

Fax: 84-8-39111300

Sau đây gọi là **“Tổng công ty”**

Do Ông Phạm Việt Anh

Chức vụ: Tổng Giám đốc, làm đại diện

VÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 14, tòa nhà Việt Á, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102327357 đăng ký lần đầu ngày 25/7/2007, đăng ký thay đổi lần 12 ngày 29/10/2012.

Điện thoại: 84-4-35563031

Fax: 84-4-35563033

Sau đây được gọi là **“Đơn vị”**

Do Ông Nguyễn Quang Huy

Chức vụ: Giám đốc, làm đại diện

Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí và Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương sau đây được gọi riêng là **“Bên”** và gọi chung là **“Các Bên”**,

XÉT RẰNG:

- Các Bên mong muốn xây dựng và phát triển mối quan hệ gắn bó lâu dài về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường và các dịch vụ kinh doanh và tự nguyện ký kết Thỏa thuận này;
- Các Bên mong muốn cùng xây dựng cơ chế thống nhất trong việc phối hợp quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát hoạt động giữa Tổng công ty và Đơn vị nhằm nâng cao sức cạnh tranh, vị thế và uy tín của Tổng công ty và Đơn vị cũng như các đơn vị thành viên Tổng công ty trên thị trường trong nước và quốc tế, đảm bảo cho các doanh nghiệp trong Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí hoạt động hiệu quả và phát triển bền vững.

VÌ VẬY:

Các Bên cùng thống nhất lập và ký kết Thỏa thuận khung (Thỏa thuận) với các điều khoản cụ thể như sau:

Điều 1: Mục đích và đối tượng của Thỏa thuận

Thỏa thuận này quy định các nguyên tắc điều chỉnh mối quan hệ giữa Tổng công ty và Đơn vị, quy định quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của Các Bên trong việc phối hợp quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng công ty và Đơn vị nhằm nâng cao sức cạnh tranh, vị thế và uy tín của Tổng công ty và Đơn vị trên thị trường, đảm bảo phối hợp hoạt động hiệu quả giữa Tổng công ty, Đơn vị và các doanh nghiệp trong Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong Thỏa thuận này, các từ ngữ, thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí” là công ty thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 358/2002/QĐ-VPCP ngày 27/5/2002 của Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ và được chuyển đổi thành Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí theo quyết định số 758/QĐ-BCN ngày 30/3/2006 của Bộ Công nghiệp, hoạt động theo Điều lệ của Tổng công ty, có các quyền và nghĩa vụ của một doanh nghiệp thành viên Tập đoàn theo quy định của Điều lệ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các quy định của Pháp luật.

b) “Tập đoàn Dầu khí Việt Nam” là công ty mẹ trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu; chi phối các công ty con và định hướng hoạt động của các doanh nghiệp trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 149/2013/NĐ-CP ngày 31/10/2013 của Chính phủ (gọi tắt là Điều lệ Tập đoàn) và quy định của Pháp luật.

c) “Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam” là tổ hợp doanh nghiệp, không có tư cách pháp nhân, bao gồm:

- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Tập đoàn);
- Các đơn vị nghiên cứu khoa học, đào tạo;
- Doanh nghiệp thành viên Tập đoàn;
- Doanh nghiệp liên kết Tập đoàn.

Tập đoàn và các doanh nghiệp trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam có tư cách pháp nhân; có vốn và tài sản riêng; có quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của mình theo quy định của pháp luật và theo thỏa thuận chung giữa các doanh nghiệp trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.

d) “Công ty con của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí” (gọi tắt là Công ty con Tổng công ty) là các doanh nghiệp có vốn góp chi phối của Tổng công ty được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty liên doanh theo quy định của pháp luật.

đ) “Công ty liên kết của Tổng công ty” là công ty có vốn góp của Tổng công ty dưới mức chi phối và không do Tổng công ty giữ quyền chi phối; tự nguyện tham gia liên kết và có mối quan hệ gắn bó lâu dài về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường và các dịch vụ kinh doanh khác với Tổng công ty.

e) “Doanh nghiệp bị chi phối của Tổng công ty” (gọi tắt là Doanh nghiệp bị chi phối) là doanh nghiệp do Tổng công ty giữ quyền chi phối.

g) “Quyền chi phối” là quyền của Tổng công ty đối với một doanh nghiệp khác, bao gồm ít nhất một trong các quyền sau đây:

- Quyền của chủ sở hữu duy nhất của doanh nghiệp;
- Quyền của cổ đông, thành viên góp vốn nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối của doanh nghiệp;
- Quyền trực tiếp hay gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả các thành viên Hội đồng quản trị Giám đốc của doanh nghiệp;
- Quyền quyết định phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp;
- Các quyền chi phối khác theo thoả thuận giữa Tổng công ty và doanh nghiệp bị chi phối.

h “Người đại diện theo uỷ quyền đối với phần vốn góp của Tổng công ty tại doanh nghiệp” (sau đây gọi tắt là “Người đại diện theo uỷ quyền”): là cá nhân được Tổng công ty uỷ quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu tại doanh nghiệp.

i) “Chức danh quản lý chủ chốt” bao gồm: Người đại diện theo uỷ quyền (Hội đồng quản trị/Chủ tịch Công ty), Ban quản lý và điều hành Công ty (Giám đốc, Kế toán trưởng, các Phó giám đốc) và Kiểm soát viên/Thành viên Ban kiểm soát Công ty.

2. “Pháp luật” là các quy định pháp luật của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm các luật/bộ luật và các văn bản dưới luật do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ban hành. Các thuật ngữ không được định nghĩa trong Thỏa thuận này được giải thích theo quy định pháp luật.

Điều 3: Nguyên tắc ký kết Thỏa thuận

Việc ký kết Thỏa thuận giữa Các Bên được thực hiện trên cơ sở các nguyên tắc sau đây:

1. Các Bên tự nguyện ký kết Thỏa thuận này trên cơ sở tôn trọng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Các Bên và đồng thuận nhất trí đối với các quy định về mối quan hệ giữa Các Bên trong hoạt động quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát của Tổng công ty đối với Đơn vị;

2. Tổng công ty và Đơn vị có các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật; hoạt động trên cơ sở tuân thủ quy định Pháp luật hiện hành và điều lệ tổ chức và hoạt động của Các Bên; tự chịu trách nhiệm trước Pháp luật về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình; chịu sự ràng buộc về quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Các Bên theo Thỏa thuận này;

3. Đơn vị phải tuân thủ quy chế hoạt động chung giữa Tổng công ty và Đơn vị quy định tại Thỏa thuận này hoặc các thỏa thuận khác có liên quan; tuân thủ định hướng phân công lĩnh vực hoạt động và ngành, nghề sản xuất kinh doanh của Đơn vị với tư cách là doanh nghiệp trong Tổng công ty, đồng thời phải đảm bảo để các công ty con của mình có định hướng phát triển, định hướng về mục tiêu hoạt động, đầu tư, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh; phân công, chuyên môn hóa, hợp tác, tiếp cận, mở rộng và phát triển thị trường, xuất khẩu,... xây dựng nội dung Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động, cũng như các quy chế, quy định quản lý nội bộ phù hợp với định hướng hoạt động và chiến lược phát triển của Tổng công ty.

4. Tổng công ty đại diện cho Công ty mẹ và Đơn vị, thực hiện các hoạt động chung của Tổng công ty trong quan hệ với bên thứ ba trong và ngoài nước hoặc các hoạt động khác nhân danh Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí;

5. Đơn vị căn cứ vào các quy định của Pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của mình, Điều lệ Tổng công ty và Thỏa thuận này để xây dựng, sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế quản lý nội bộ của Đơn vị và trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế quản lý nội bộ của Đơn vị không được trái với Điều lệ Tổng công ty và các quy định tại Thỏa thuận này.

Điều 4: Quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của Tổng công ty

Tổng công ty có quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ như sau:

1. Thực hiện theo quy định của Pháp luật và Thỏa thuận này các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu phần vốn đã đầu tư vào Đơn vị; hoặc quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty với tư cách là doanh nghiệp nắm giữ quyền chi phối đối với Đơn vị; hoặc thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với Đơn vị mà Tổng công ty không nắm quyền chi phối.

Hội đồng quản trị Tổng công ty ban hành quy chế, quy định phân công, phân cấp cho Người đại diện theo uỷ quyền của Tổng công ty tại Đơn vị thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu tại Đơn vị, cũng như quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty với tư cách là doanh nghiệp nắm giữ quyền chi phối đối với Đơn vị phù hợp với quy định tại Thỏa thuận này và quy định của Pháp luật.

2. Cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia quản lý, điều hành ở Đơn vị; quyết định/giới thiệu/chấp thuận để bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, chấp thuận từ chức, khen thưởng, kỷ luật đối với Chức danh quản lý chủ chốt tại Đơn vị theo đề nghị của Tổng giám đốc Tổng công ty phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, Điều lệ của Đơn vị và Thỏa thuận này; ban hành và thực hiện quy chế cử, thay thế, giám sát, đánh giá hoạt động của Người đại diện theo uỷ quyền; quyền quyết định phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Đơn vị; quy định những vấn đề phải được Tổng công ty thông qua trước khi Người đại diện theo uỷ quyền quyết định hoặc tham gia quyết định tại Đơn vị.

3. Sử dụng quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu vốn, quyền của cổ đông và/hoặc Quyền chi phối của Tổng công ty đối với Đơn vị, và quyền, nghĩa vụ của Tổng công ty được quy định trong Thỏa thuận này để phối hợp định hướng hoạt động của Đơn vị trong khuôn khổ hoạt động của Tổng công ty, cụ thể:

a) Định hướng chiến lược phát triển của Đơn vị theo chiến lược phát triển chung, kế hoạch phối hợp kinh doanh chung của Tổng công ty theo nguyên tắc phân công lĩnh vực hoạt động và ngành nghề sản xuất kinh doanh.

b) Định hướng về mục tiêu hoạt động, đầu tư, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh; phân công, chuyên môn hóa, hợp tác, tiếp cận, mở rộng và phát triển thị trường, xuất khẩu, chiến lược phát triển và sử dụng Thương hiệu Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí, dịch vụ thông tin, nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, đào tạo và các hoạt động khác của Đơn vị theo chính sách chung của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và của Tổng công ty.

c) Định hướng xây dựng nội dung Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động, cũng như các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Đơn vị trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở tuân thủ nguyên tắc Điều lệ và các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Đơn vị không được trái với Điều lệ Tổng công ty và Thỏa thuận này.

d) Yêu cầu Đơn vị đảm bảo để các công ty con của Đơn vị (nếu có) định hướng phát triển, định hướng về mục tiêu hoạt động, đầu tư, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh; phân công, chuyên môn hóa, hợp tác, tiếp cận, mở rộng và phát triển thị trường, xuất khẩu,... xây dựng nội dung Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động, cũng như các quy chế, quy định quản lý nội bộ phù hợp với định hướng hoạt động và chiến lược phát triển của Tổng công ty.

4. Xây dựng và tổ chức thực hiện các quy chế hoạt động, điều hành, quy chế quản lý nội bộ và tiêu chuẩn, định mức chung áp dụng thống nhất trong phạm vi Tổng công ty và làm cơ sở để Đơn vị xây dựng quy chế hoạt động của doanh nghiệp.

5. Xây dựng Quy chế quản lý Thương hiệu Tổng công ty áp dụng chung cho toàn Tổng công ty và yêu cầu Đơn vị sử dụng Thương hiệu Tổng công ty/Tập đoàn phải tuân thủ các quy

định của Quy chế này trong hoạt động sản xuất kinh doanh; định hướng về thành tố chung trong tên gọi riêng của Đơn vị theo quy định của Tổng công ty.

6. Phối hợp hình thành, quản lý và sử dụng có hiệu quả các quỹ chung; giám sát tài chính và kiểm soát rủi ro; xem xét hỗ trợ hoạt động tài chính cho Đơn vị khi Đơn vị đề nghị; xem xét hỗ trợ Đơn vị thông qua hình thức cấp bảo lãnh của công ty mẹ đối với công ty con trên cơ sở tuân thủ các quy định Pháp luật hiện hành.

7. Yêu cầu Đơn vị báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình đầu tư, tài chính, hiệu quả sử dụng vốn của Tổng công ty, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của Đơn vị với tư cách là chủ sở hữu phần vốn hoặc cổ đông nắm giữ cổ phần chi phối, cũng như quyền chi phối tại Đơn vị để phục vụ công tác quản lý, điều hành chung của Tổng công ty; tổ chức giám sát, kiểm tra, thanh tra định kỳ/đột xuất và đánh giá kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản lý điều hành, việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao của Đơn vị theo quy định tại quy chế quản lý nội bộ áp dụng chung cho Tổng công ty và Đơn vị đã đồng ý tuân thủ thực hiện khi ký kết Thỏa thuận này.

8. Tổng công ty tổ chức và chỉ đạo Đơn vị thực hiện kiểm toán nội bộ theo quy định của Bộ Tài chính nhằm phục vụ cho công tác điều hành giám sát, kiểm tra, thanh tra định kỳ/đột xuất và đánh giá kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản lý điều hành, thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao theo quy định tại Khoản 7 Điều này.

9. Thực hiện và cung cấp dịch vụ nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, tiếp thị, xúc tiến thương mại và các dịch vụ khác cho Đơn vị; làm đầu mối tập hợp các nguồn lực của Đơn vị và các doanh nghiệp trong Tổng công ty để thực hiện đầu thầu và triển khai thực hiện các dự án chung do các Đơn vị cùng thỏa thuận và thực hiện.

10. Thay mặt Đơn vị quan hệ với bên đối tác thứ ba trong trường hợp Tổng công ty thực hiện các hoạt động chung của Tổng công ty; thay mặt Đơn vị (nếu Đơn vị đề nghị) làm việc với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết các vướng mắc liên quan đến chính sách, Pháp luật của Nhà nước.

11. Tham vấn Đơn vị trong việc thực hiện các hoạt động chung; làm đầu mối phối hợp, xây dựng cơ chế phối hợp, điều tiết hoạt động sản xuất, kinh doanh giữa Đơn vị và các doanh nghiệp trong Tổng công ty; phối hợp với Đơn vị cũng như các doanh nghiệp trong Tổng công ty thực hiện nhiệm vụ công ích phù hợp với quy định hiện hành.

Điều 5: Quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của Đơn vị

Đơn vị có quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ như sau:

1. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của Đơn vị được quy định tại Thỏa thuận này, Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động của Đơn vị và theo quy định Pháp luật.

2. Thực hiện quy chế cử, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, chấp thuận từ chức, khen thưởng, kỷ luật đối với Chức danh quản lý chủ chốt tại Đơn vị, cũng như việc thay thế, giám sát, đánh giá hoạt động của Người đại diện theo ủy quyền theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, Điều lệ của Đơn vị và Thỏa thuận này.

3. Quyết định lĩnh vực hoạt động và ngành, nghề sản xuất kinh doanh của Đơn vị trên cơ sở định hướng phân công của Tổng công ty về lĩnh vực hoạt động và ngành, nghề sản xuất kinh doanh của Đơn vị trong khuôn khổ hoạt động của Tổng công ty.

4. Quyết định chiến lược phát triển theo chiến lược phát triển chung, kế hoạch phối hợp kinh doanh chung của Tổng công ty; xác định mục tiêu hoạt động, đầu tư, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh; phân công, chuyên môn hóa, hợp tác, tiếp cận, mở rộng và chia sẻ thị trường, xuất khẩu, chiến lược phát triển và sử dụng Thương hiệu Tập đoàn/Tổng công ty, dịch vụ thông tin,

ngiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, đào tạo và các hoạt động khác theo chính sách chung của Tổng công ty

5. Xây dựng nội dung Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở đảm bảo Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động của Đơn vị không được trái với Điều lệ Tổng công ty, Thỏa thuận này và quy định Pháp luật.

6. Xây dựng và tổ chức thực hiện các quy chế hoạt động, điều hành, quy chế quản lý nội bộ của Đơn vị phù hợp với quy chế hoạt động, điều hành, quy chế quản lý nội bộ và tiêu chuẩn, định mức chung do Tổng công ty ban hành và áp dụng thống nhất trong phạm vi toàn Tổng công ty.

7. Đảm bảo để các công ty con của Đơn vị (nếu có) định hướng phát triển, định hướng về mục tiêu hoạt động, đầu tư, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh; phân công, chuyên môn hóa, hợp tác, tiếp cận, mở rộng và phát triển thị trường, xuất khẩu,... xây dựng nội dung Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động, cũng như các quy chế, quy định quản lý nội bộ phù hợp với định hướng hoạt động và chiến lược phát triển của Tổng công ty.

8. Đơn vị sử dụng Thương hiệu Tập đoàn/Tổng công ty phải tuân thủ các quy định tại Quy chế quản lý Thương hiệu Tập đoàn, của Tổng công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh, trong việc đặt tên viết tắt, tên thương mại của Đơn vị.

9. Phối hợp với Tổng công ty và doanh nghiệp trong Tổng công ty hình thành, quản lý và sử dụng có hiệu quả các quỹ chung; giám sát tài chính và kiểm soát rủi ro theo quy định Pháp luật và Thỏa thuận này; đề nghị Tổng công ty hỗ trợ hoạt động tài chính cho Đơn vị trong trường hợp cần thiết, bao gồm cả hình thức cấp bảo lãnh của công ty mẹ đối với công ty con trên cơ sở tuân thủ các quy định Pháp luật hiện hành.

10. Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình đầu tư, tài chính, hiệu quả sử dụng vốn Tổng công ty, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của Đơn vị khi Tổng công ty yêu cầu với tư cách là chủ sở hữu phần vốn hoặc cổ đông nắm giữ cổ phần chi phối, cũng như quyền chi phối tại Đơn vị; chịu sự giám sát, kiểm tra, thanh tra định kỳ/đột xuất của Tổng công ty để đánh giá kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản lý điều hành, thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao theo quy định tại các quy chế quản lý nội bộ áp dụng chung do Tổng công ty ban hành và Đơn vị đã đồng ý tuân thủ thực hiện khi ký kết Thỏa thuận này.

11. Được Tổng công ty cung cấp dịch vụ nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, tiếp thị, xúc tiến thương mại và các dịch vụ khác; được quyền tham gia đấu thầu thực hiện các dự án có tính đặc thù thuộc ngành, nghề kinh doanh chính của Tổng công ty và Đơn vị.

12. Kiến nghị Tổng công ty bảo vệ các lợi ích hợp pháp của Đơn vị; đề nghị Tổng công ty thay mặt hoặc nhân danh Đơn vị làm việc với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết các vướng mắc liên quan đến chính sách, Pháp luật của Nhà nước.

13. Tham vấn cho Tổng công ty trong việc thực hiện các hoạt động chung; phối hợp với Tổng công ty cũng như các doanh nghiệp trong Tổng công ty thực hiện nhiệm vụ công ích phù hợp với quy định hiện hành.

Điều 6: Sửa đổi, bổ sung, chấm dứt Thỏa thuận

1. Sửa đổi, bổ sung Thỏa thuận:

Mọi sửa đổi, bổ sung đối với nội dung của Thỏa thuận này phải được Các Bên thống nhất bằng văn bản. Các Bên có thể cụ thể hoá, sửa đổi, bổ sung, thay thế một phần các quy định của Thỏa thuận này bằng các phụ lục và các phụ lục này là phần không thể tách rời của Thỏa thuận này.

2. Thỏa thuận này chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

- a) Các Bên thỏa thuận chấm dứt Thỏa thuận này trước thời hạn (bao gồm cả trường hợp Đơn vị không còn là Công ty con hay Công ty liên kết của Tổng công ty);
- b) Một trong Các Bên đơn phương chấm dứt Thỏa thuận theo quy định tại Thỏa thuận này;
- c) Trường hợp một trong Các Bên tuyên bố phá sản, giải thể, chuyển đổi, hợp nhất, sáp nhập hay chia tách doanh nghiệp;
- d) Các trường hợp khác mà pháp luật quy định Thỏa thuận phải chấm dứt hiệu lực.

3. Đơn phương chấm dứt Thỏa thuận:

Các Bên có quyền đơn phương chấm dứt Thỏa thuận này trong các trường hợp sau đây:

a) Một trong Các Bên vi phạm các cam kết trong việc thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của Thỏa thuận này.

b) Trường hợp bất khả kháng không thể thực hiện được Thỏa thuận này. Bất khả kháng được hiểu là sự kiện xảy ra không lường trước được và nằm ngoài sự kiểm soát hợp lý của Các Bên theo quy định của Pháp luật bao gồm nhưng không giới hạn thiên tai, bão, lũ, động đất, bệnh dịch, chiến tranh, quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc sự thay đổi pháp luật... Khi có sự kiện bất khả kháng xảy ra, Bên bị ảnh hưởng của sự kiện này phải thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng kèm theo các chứng cứ hợp pháp để chứng minh và phải tìm mọi biện pháp để khắc phục hoặc biện pháp thay thế khác để làm giảm thiểu tối đa hệ quả phát sinh do sự kiện bất khả kháng đó và để thực hiện nghĩa vụ quy định trong Thỏa thuận này. Các Bên không phải chịu trách nhiệm trước Bên còn lại về việc không thực hiện nghĩa vụ do sự kiện bất khả kháng quy định tại Điều này.

Trường hợp mong muốn đơn phương chấm dứt Thỏa thuận này trước thời hạn, Bên muốn đơn phương chấm dứt Thỏa thuận phải gửi thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại trước thời điểm chấm dứt Thỏa thuận 30 ngày làm việc (không kể ngày lễ, thứ bảy, chủ nhật).

Điều 7: Thông báo

Mọi thông báo liên quan đến Thỏa thuận này phải được Các Bên làm thành văn bản, do Người đại diện có thẩm quyền của mỗi Bên ký, được gửi trực tiếp hoặc theo hình thức thư bảo đảm, hoặc bằng dịch vụ chuyển phát nhanh, fax hay e-mail tới địa chỉ dưới đây (hoặc địa chỉ khác được Các Bên thông báo cho nhau nhằm thực hiện quy định tại Điều này).

1. Tổng công ty:

Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, phường ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: 84-8-39111301

Fax: 84-8-39111300

E-mail: info@pvtrans.com

2. Đơn vị:

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương

Địa chỉ: Tầng 14, tòa nhà Việt Á, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 84-4-35563031

Fax: 84-4-35563033

E-mail: pvtrans-ptt@fpt.vn

Điều 8: Hiệu lực của Thỏa thuận

Thỏa thuận này có hiệu lực kể từ ngày ký. Tại thời điểm ký Thỏa thuận này, Các Bên xác nhận đã đồng thuận thống nhất hoàn toàn và hiểu biết đầy đủ giữa Các Bên đối với các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Các Bên được quy định trong Thỏa thuận này để cùng thực hiện.

Các Bên cam kết tuân thủ đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ của mỗi Bên và các quy định Pháp luật có liên quan để đảm bảo Thỏa thuận này có hiệu lực sau khi các Bên ký kết.

Trong trường hợp một hoặc một số điều khoản của Thỏa thuận này không còn hiệu lực hay trở thành không có hiệu lực theo thỏa thuận của Các Bên thì các điều khoản còn lại không bị ảnh hưởng và vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 9: Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp

Thỏa thuận này được hiểu, điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Các nội dung không được quy định trong Thỏa thuận này sẽ được Các Bên thực hiện theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

Mọi tranh chấp phát sinh hoặc liên quan tới việc ký kết, hiệu lực, thực hiện, vi phạm hay chấm dứt Thỏa thuận này được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải giữa Các Bên.

Điều 10: Điều khoản thi hành

Các Bên cùng thống nhất nội dung các điều khoản của Thỏa thuận này và cam kết đã nhận được sự phê duyệt, cho phép cần thiết của cấp có thẩm quyền theo quy định Pháp luật khi ký kết Thỏa thuận này.

Thỏa thuận này được ký kết bởi người đại diện hợp pháp của Các Bên.

Thỏa thuận này được lập và ký thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 bản./.

Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí

Tổng Giám đốc

(Ký tên & đóng dấu)

Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương

Giám đốc

(Ký tên & đóng dấu)

